

Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An và Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An khuyến nghị các Nhà đầu tư nên đọc kỹ các thông tin trong bản Công bố Thông tin và Quy chế đấu giá trước khi đăng ký tham dự đấu giá

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH NGHỆ AN

Bản công bố thông tin này sẽ được cung cấp tại:



NOI STOCK EXCHANGE
IAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: 2 Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3941 2626 Fax: (84.4) 3934 7818

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 360, Đường Đặng Thai Mai, Thành phố Vinh, Nghệ An

Điện thoại : (038) 3564 962 Fax: (038) 3561747

TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH
DƯƠNG

Trụ sở chính: Số 444 Hoàng Hoa Thám, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, HN

Điện thoại : 04 3573 0200 Fax: (04) 3577 1966

Nghệ An, Tháng 11 năm 2015

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢN BIỂU	4
DANH MỤC HÌNH.....	4
CÁC KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT	5
PHẦN I: CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT BÁN ĐÁU GIÁ.....	6
1. Thông tin về doanh nghiệp cổ phần hóa.....	8
1.1. Thông tin chung.....	8
1.2. Quá trình hình thành và phát triển	8
1.3. Cơ cấu tổ chức của công ty	10
2. Ngành nghề sản xuất kinh doanh.....	20
Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900326985 đăng ký lần đầu ngày 22/01/2010, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 12/11/2014, ngành nghề kinh doanh hiện tại của Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An bao gồm:	20
3. Sản phẩm dịch vụ chủ yếu.....	21
- Cung cấp... ..	Error! Bookmark not defined.
-	21
4. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang Công ty cổ phần.....	21
4.1. Thực trạng lao động Công ty trước cổ phần hóa.....	21
4.2. Lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần.....	22
5. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp và giá trị phần vốn Nhà nước	26
5.1. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp.....	26
5.2. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý	29
5.3. Thực trạng về tài chính công nợ.....	29
6. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp	33
6.1. Tài sản cố định	33
6.2. Đất đai	35
6.2.1. Hiện trạng sử dụng đất	35
6.2.2. Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa	36
7. Chủ sở hữu Công ty và Danh sách Công ty con và Công ty liên doanh, liên kết	36
7.1. Chủ sở hữu Công ty.....	36
7.2. Danh sách Công ty con và Công ty liên kết, liên doanh.....	36
8. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm trước khi cổ phần hóa	36

8.1.	Tình hình động sản xuất kinh doanh	37
a.	Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận của Công ty	39
b.	Nguyên vật liệu	40
c.	Cơ cấu chi phí của Công ty	41
d.	Trình độ công nghệ	42
e.	Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới	42
f.	Hoạt động marketing	43
g.	Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền	44
h.	Các hợp đồng lớn đang thực hiện	44
8.2.	Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa	45
9.	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	47
9.1.	Thuận lợi	47
9.2.	Khó khăn	48
10.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành	48
10.1.	Vị thế Công ty trong ngành	48
10.2.	Triển vọng phát triển của ngành	50
10.3.	Đánh giá về định hướng phát triển của Công ty so với định hướng ngành	51
PHẦN III: PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA		52
1.	Mục tiêu cổ phần hóa	52
2.	Hình thức cổ phần hóa	52
3.	Thông tin doanh nghiệp sau cổ phần hóa	54
3.1.	Thông tin chung	54
3.2.	Hình thức pháp lý	54
3.3.	Ngành nghề kinh doanh dự kiến sau cổ phần hóa	55
3.4.	Cơ cấu tổ chức	56
3.5.	Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ Công ty cổ phần	59
3.5.1.	Vốn điều lệ	60
3.5.2.	Cơ cấu vốn điều lệ	60
4.	Phương án đầu tư và chiến lược phát triển của Công ty sau cổ phần hóa	60
4.1.	Kế hoạch mục tiêu phát triển Công ty sau cổ phần hóa	60
4.2.	Chiến lược phát triển	61
4.3.	Các giải pháp thực hiện	62

4.3.1.	Giải pháp marketing.....	62
4.3.2.	Giải pháp kinh doanh	63
4.3.3.	Giải pháp phát triển nguồn nhân lực	66
4.3.4.	Giải pháp về vốn.....	67
5.	Kế hoạch đăng ký Công ty đại chúng, đăng ký lưu ký, giao dịch và niêm yết trên thị trường chứng khoán.....	68
	PHẦN IV: CÁC RỦI RO DỰ KIẾN	70
1.	Rủi ro kinh tế	70
1.1.	Rủi ro về tăng trưởng	70
1.2.	Rủi ro về lạm phát	71
1.3.	Rủi ro về lãi suất.....	72
1.4.	Rủi ro về tỷ giá	72
2.	Rủi ro về luật pháp	72
3.	Rủi ro đặc thù.....	72
4.	Rủi ro của đợt chào bán	73
5.	Rủi ro khác.....	74
	PHẦN V: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHẦN.....	75
1.	Phương thức bán đấu giá	75
1.1.	Hình thức chào bán	75
1.2.	Đối tượng tham gia và số lượng cổ phần đăng ký mua.....	76
1.3.	Thời gian và địa điểm thực hiện	76
2.	Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần đối với người lao động	76
2.1.	Bán cổ phần ưu đãi cho người lao động	76
2.2.	Người lao động đăng ký mua cổ phần theo cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần	77
3.	Kế hoạch sử dụng tiền thu từ bán cổ phần	78
	PHẦN VI: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	80
1.	Ban chỉ đạo cổ phần hóa	80
2.	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An	80
3.	Tổ chức tư vấn.....	80

DANH MỤC BẢN BIỂU

Bảng 1: Thực trạng lao động	21
Bảng 2: Giá trị doanh nghiệp thực tế tại thời điểm 30/09/2014.....	26
Bảng 3: Thực trạng các khoản phải thu	30
Bảng 4: Thực trạng các khoản phải trả.....	31
Bảng 5: Thực trạng về nguồn vốn, quỹ của Công ty	32
Bảng 6: Giá trị tài sản cố định và đầu tư dài hạn	33
Bảng 7: Báo cáo Kết quả HĐKD 2013 –2014.....	37
Bảng 8: Cơ cấu doanh thu theo lĩnh vực hoạt động 2013 –2014.....	39
Bảng 9: Cơ cấu lợi nhuận theo lĩnh vực hoạt động 2013 –2014	40
Bảng 10: Cơ cấu chi phí 2013 –2014	41
Bảng 11: Cơ cấu vốn cổ phần dự kiến.....	60
Bảng 12: Dự kiến kết quả hoạt động kinh doanh 03 năm sau cổ phần hóa	65
Bảng 13: Chi phí cổ phần hóa	Error! Bookmark not defined.
Bảng 14: Số tiền dự kiến nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp.....	Error! Bookmark not defined.

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Sơ đồ tổ chức bộ máy Công ty TNHH MTV	12
Hình 2: Sơ đồ tổ chức Công ty cổ phần	Error! Bookmark not defined.
Hình 3: Tốc độ tăng trưởng GDP qua các năm	70
Hình 4: Tỷ lệ lạm phát và lạm cơ bản 6/2014 – 6/2015.....	71

CÁC KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

TNHH MTV	:	Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên
BCTC	:	Báo cáo tài chính
BHXH	:	Bảo hiểm Xã hội
BHYT	:	Bảo hiểm Y tế
BLLĐ	:	Bộ luật Lao động
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên
DN (DNNN)	:	Doanh nghiệp (Doanh nghiệp nhà nước)
GTVT	:	Giao thông Vận tải
KCN	:	Khu công nghiệp
HNX	:	Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
SKKD	:	Sản xuất kinh doanh
UBCK	:	Ủy ban chứng khoán
UBND	:	Ủy ban Nhân dân
TSCĐ	:	Tài sản cố định
XDCB	:	Xây dựng cơ bản
SXKD	:	Sản xuất kinh doanh
GTDN	:	Giá trị Doanh nghiệp

PHẦN I: CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT BÁN ĐẦU GIÁ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản có liên quan.
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư 33/2012/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần
- Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 20/10/2014 của Bộ Tài Chính Hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.
- Thông tư số 106/2008/TT-BTC ngày 17/11/2008 của Bộ tài chính hướng dẫn kế toán khi chuyển đổi DNNN 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Văn bản số 2449/TTg-ĐMDN ngày 28/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thuộc tỉnh Nghệ An giai đoạn 2011-2015;
- Căn cứ Quyết định số 3073/QĐ-UBND ngày 03/07/2014 của UBND tỉnh Nghệ An về việc thực hiện cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An.
- Căn cứ Quyết định số 3083/QĐ-UBND ngày 03/07/2014 của UBND tỉnh Nghệ An về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An;

Bản công bố thông tin Công ty TNHH MTV môi trường đô thị tỉnh Nghệ An

- Căn cứ Quyết định số 125/QĐ-BCĐCPH ngày 29/07/2014 của UBND tỉnh Nghệ An về việc thành lập Tổ giúp việc cổ phần hóa tại Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An;
- Quyết định số 3772/QĐ-UBND ngày 25/08/2015 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An;
- Căn cứ Quyết định số 5215/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An thành Công ty cổ phần.
- Các văn bản khác có liên quan.

PHẦN II: TÌNH HÌNH CỦA DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

1. Thông tin về doanh nghiệp cổ phần hóa

1.1. Thông tin chung

Tên Công ty : **CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH NGHỆ AN**

Tên giao dịch : NGHE AN URBAN ENVIRONMENT ONE MEMBER
bằng tiếng anh LIMITED COMPANY

Địa chỉ trụ sở : Đường Đặng Thai Mai – Thành phố Vinh – Nghệ An
chính

Điện thoại : (038) 3564 962

Fax : (038) 3561747

Vốn điều lệ : 17.898.962.000 đồng (*Mười bảy tỷ tám trăm chín tám triệu chín trăm sáu hai nghìn đồng*)

Số ĐKKD : Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900326985 đăng ký lần đầu ngày 22/01/2010, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 12/11/2014

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

1.2.1. Quá trình hình thành

Công ty TNHH một thành viên Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An, tiền thân là Xí nghiệp vệ sinh, được thành lập theo Quyết định số 1204/UBND ngày 10/10/1973 của UBND tỉnh Nghệ An về việc thành lập Xí nghiệp vệ sinh Thành phố Vinh.

Đến năm 1976, UBND tỉnh nghệ An, có QĐ sáp nhập các đơn vị thành Công ty Quản lý nhà đất gồm:

- Xí nghiệp vệ sinh
- BQL nhà đất.
- Xí nghiệp cây cảnh.
- Đội mộc nghề Thành phố,

Đến năm 1980, UBND tỉnh có quyết định tách Công ty thành 02 đơn vị độc lập:

- + Công ty Nhà đất, mộc nghề;
- + Xí nghiệp vệ sinh Thành phố Vinh.

Năm 1990, UBND tỉnh Nghệ An có QĐ chuyển đổi Xí nghiệp vệ sinh thành Công ty môi trường đô thị Thành phố Vinh.

- Năm 2009 Công ty được UBND tỉnh Nghệ An chuyển đổi thành Công ty TNHH Môi trường đô thị thành phố Vinh. Căn cứ quyết định số 6383/QĐ.UBND-ĐT ngày 02/12/2009; Biên bản thẩm định phương án chuyển đổi lập ngày 16/11/2009 về việc phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty Môi trường đô thị thành phố Vinh thành Công ty TNHH Môi trường đô thị Vinh .
- Ngày 20/12/2011 Công ty chuyển cơ chế quản lý đơn vị thành Công ty trách nhiệm hữu hạn có 100% vốn Nhà nước, chuyển đổi Công ty TNHH Môi trường đô thị Vinh thành Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An và lập Biên bản thẩm định phương án chuyển đổi ngày 16/11/2009. Công ty đi vào hoạt động vào ngày 22/01/2010.
- Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An là pháp nhân theo pháp luật Việt Nam kể từ ngày được đăng ký kinh doanh, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật; hoạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về tài chính, hoạt động theo điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp và các quy định của pháp luật hiện hành.

1.2.2. Quá trình phát triển

Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An, tiền thân là Công ty môi trường đô thị thành phố Vinh. Những ngày đầu thành lập, đảm nhận nhiệm vụ chủ yếu là công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn thành phố Vinh.

Năm 2010, Công ty chuyển đổi phương thức hoạt động từ đơn vị hành chính sự nghiệp sang doanh nghiệp nhà nước. Tổng số vốn điều lệ là 17.898.962.000 đồng, với ngành nghề kinh doanh chính là thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải, thoát nước đô thị, quản lý, duy tu các công trình công cộng và làm các dịch vụ về vệ sinh, môi trường.

Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong những năm qua, sự gia tăng về rác thải và nguy cơ ô nhiễm môi trường ở một số huyện thị có khu du lịch rất lớn, công ty đã mở rộng thị trường cung ứng dịch vụ, đẩy mạnh phát triển các ngành nghề kinh doanh dịch vụ. Qua tổng kết đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty đều đã khẳng định, Công ty đã có những bước đi đúng hướng, các công trình do công ty làm chủ đầu tư hoặc thi công đều đạt chất lượng tốt, từng bước thích ứng với yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa về công tác vệ sinh môi trường.

Tháng 12/2011 chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An với số vốn điều lệ là 17.898.962.000 đồng; hoạt động chủ yếu: Vệ sinh nhà cửa và các công trình, bốc và vận chuyển rác, tổ chức thu phí vệ sinh môi trường và thu gom rác trong dân cư, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, xử lý ô nhiễm và quản lý rác thải rắn sinh hoạt... Nhiệm vụ lãnh đạo bảo đảm quốc phòng - an ninh được Đảng ủy chú trọng và quan tâm chỉ đạo, xây dựng cụm an toàn làm chủ; hiện đơn vị có 6 công nhân được gọi nhập ngũ đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự và được tiếp nhận trở lại làm việc. Công tác phòng cháy, chữa cháy được đẩy mạnh. Từ năm 2012 trở đi, đơn vị đã ban hành quy chế quản lý bãi rác, vệ sinh an toàn lao động, trật tự nơi làm việc tạo sự đồng thuận cao trong tập thể cán bộ công nhân viên và nhân dân trên địa bàn.

1.2.3. Các thành tích đạt được

Từ sự nỗ lực cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, Đảng bộ Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An nhiều năm liền đạt danh hiệu Trong sạch vững mạnh, riêng 2 năm 2012, 2013 đạt danh hiệu Đảng bộ vững mạnh tiêu biểu, năm 2014 được công nhận Đảng bộ Trong sạch vững mạnh tiêu biểu 3 năm liền (2012 - 2014), được Tỉnh ủy tặng Bằng khen và UBND tỉnh tặng Cờ thi đua đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong nhiều năm liền. Đặc biệt năm 2014, tập thể công ty và cá nhân đồng chí Hoàng Văn Khanh, Giám đốc vinh dự đón nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ vì những thành tích xuất sắc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

1.3. Cơ cấu tổ chức của công ty

a. Tổ chức bộ máy quản lý

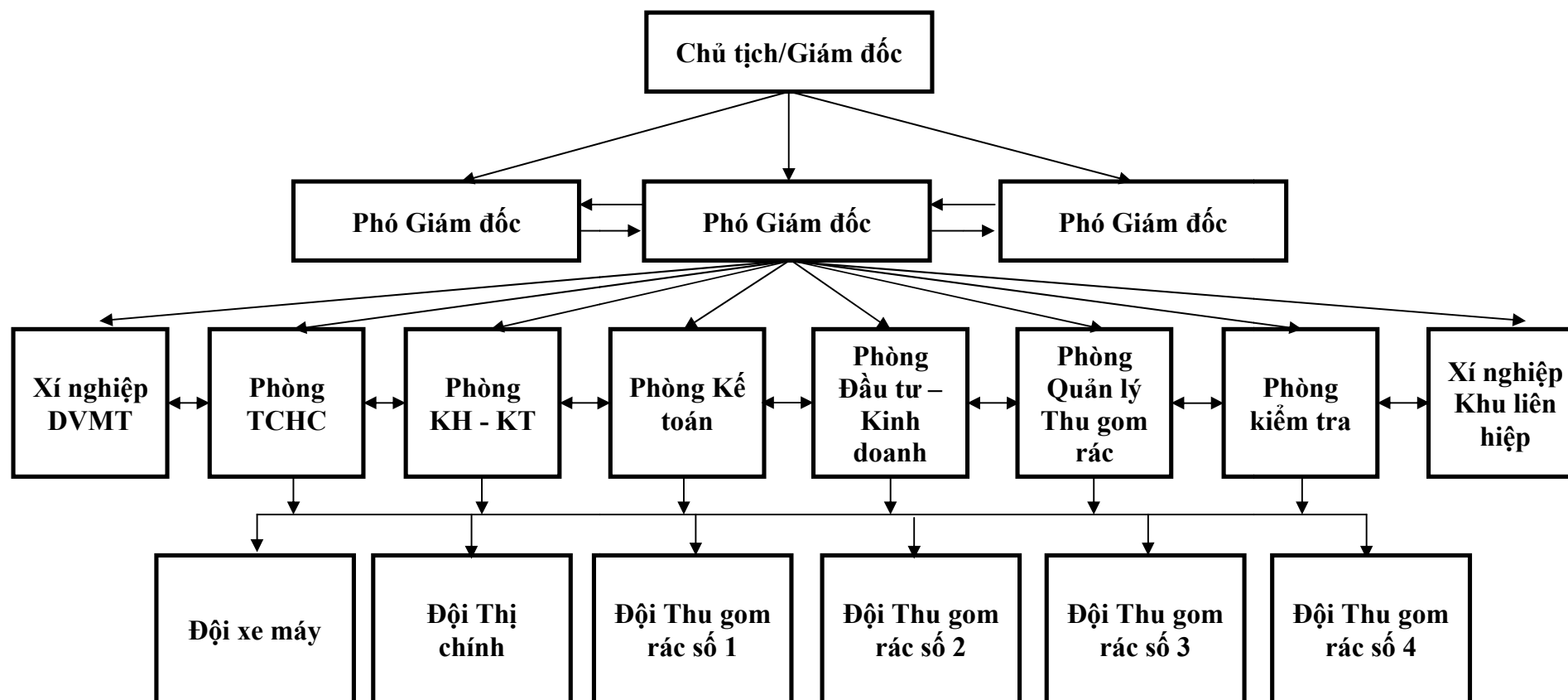
Công ty được tổ chức theo mô hình hoạt động của Công ty TNHH Một thành viên.
Bao gồm:

- 01 Chủ tịch kiêm Giám đốc : Ông Hoàng Văn Khanh

Bản công bố thông tin Công ty TNHH MTV môi trường đô thị tỉnh Nghệ An

- 03 Phó Giám đốc : Ông Nguyễn Trọng Tuê
Ông Đặng Văn Bình
Ông Phú Văn Phụng
- 06 Phòng, Ban nghiệp vụ : Phòng Tổ chức Hành chính
Phòng Kế hoạch Kỹ Thuật
Phòng Kế toán,
Phòng Đầu tư – Kinh doanh
Phòng Quản lý đầu mối và thu phí VSMT
Phòng kiểm tra
- 02 Xí nghiệp Xí nghiệp dịch vụ môi trường
Xí nghiệp khu liên hiệp
- 06 Đơn vị trực thuộc : Đội xe máy
Đội Thị chính
Đội thu gom rác số 1
Đội thu gom rác số 2
Đội thu gom rác số 3
Đội thu gom rác số 4

Hình 1: Sơ đồ tổ chức bộ máy Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An



❖ **Chức năng và nhiệm vụ của Các phòng ban**

• **Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty**

Là người đại diện theo pháp luật, điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật; quản lý điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của Công ty trước Chủ sở hữu, trước pháp luật.

Chủ tịch kiêm Giám đốc thực hiện chức năng quản lý công ty, có trách nhiệm tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ và tình hình tài chính của Công ty, là chủ tài khoản, phụ trách chung, có quyền điều hành cao nhất trong Công ty, chịu trách nhiệm trước UBND Tỉnh và Thành phố, trước tập thể CBCNV về mọi hoạt động của Công ty. Chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu Công ty để quản lý, sử dụng vốn, đất đai và nguồn lực khác của Nhà nước theo quy định của pháp luật để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được giao, sử dụng bảo toàn và phát triển vốn và kết quả hoạt động SXKD dịch vụ theo kế hoạch.

Tổ chức khai thác có hiệu quả mọi tiềm năng về cơ sở vật chất và điều kiện sản xuất kinh doanh và dịch vụ của Công ty (Trừ trường hợp Ủy quyền hoặc giao nhiệm vụ).

Phê duyệt các đề án phát triển sản xuất kinh doanh và dịch vụ, kế hoạch đầu tư, đơn giá, định mức, đề án tổ chức và quản lý để thực hiện trong nội bộ Doanh nghiệp hoặc trình cấp quản lý Nhà nước có thẩm quyền xem xét và quyết định.

Ban hành tất cả các Quyết định, văn bản có liên quan gửi đi các cấp các ngành và nội bộ Công ty.

Có biện pháp đảm bảo cho đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động ngày càng tốt hơn, có kế hoạch nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ khoa học kỹ thuật cho CBCNV nhằm phục vụ trực tiếp và có hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của đơn vị.

Tổ chức quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh – dịch vụ, thu chi tài chính và báo cáo kết quả hoạt động của Công ty đối với các cơ quan Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Chịu trách nhiệm thương thảo và ký kết các hợp đồng kinh tế đối với các khách hàng trong và ngoài thành phố.

Chịu trách nhiệm quyết định bổ nhiệm (hoặc ký hợp đồng theo quy định của Pháp luật), miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các chức danh Phó Giám đốc, Kế toán trưởng doanh nghiệp.

Trực tiếp chỉ đạo công tác kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh quốc phòng.

Chủ động phối hợp với Chủ tịch Công đoàn để ban hành Thỏa ước lao động tập thể cũng như chuẩn bị tốt các nội dung để tổ chức đại hội CNVC Công ty hàng năm theo quy định.

- **Các phó giám đốc**

Phó Giám đốc là người giúp và tham mưu cho Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công của Giám đốc; phó Giám đốc chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Chủ tịch công ty và pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công.

Tham mưu giúp việc cho Giám đốc trong việc tổ chức, điều hành Công tác sản xuất – dịch vụ và dự thảo đánh giá tình hình hoạt động của Công ty để trình bày trước các cuộc họp giao ban hàng tuần, tháng của Công ty.

Chủ động phối hợp với các Phó Giám đốc khác để tổ chức chỉ đạo Công tác thu gom rác thải trên địa bàn và trong các khối, xóm dân cư theo Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 29/3/2012 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành Quy định quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Được giám đốc ủy quyền bằng văn bản để thương thảo và ký kết hợp đồng kinh tế trong các lĩnh vực: Xử lý vệ sinh môi trường, hút thông tắc hầm cầu, nạo vét mương, công rãnh, đất đá xây dựng, sửa chữa và xây dựng các công trình vệ sinh và một số ngành nghề khác.

- **Phòng Tổ chức Hành chính**

Thực hiện chức năng quản trị hành chính văn phòng, công tác thi đua khen thưởng, tuyên truyền cổ động và một số công tác khác do Giám đốc giao. Hướng dẫn công tác chuyên môn về soạn thảo văn bản và công tác văn thư lưu trữ tại các đơn vị trực thuộc. Trong lĩnh vực công nghệ thông tin, ứng dụng tin học phục vụ công tác quản lý, điều

hành và sản xuất kinh doanh của Công ty. Tổ chức, triển khai và quản lý việc thực hiện các dự án trang bị mới thiết bị tin học cho các đơn vị trực thuộc Công ty, hướng dẫn chuyên môn cho bộ phận công nghệ thông tin của các đơn vị trực thuộc Công ty.

Trực thi đua, quân sự, phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt, thanh tra, tiếp dân,...

Tham mưu cho Ban giám đốc công ty trong việc chuẩn bị các phương án về tổ chức bộ máy, công tác cán bộ, tiếp thu, truyền chuyên, đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng lương, nâng bậc, BHXH của người lao động, bảo hộ lao động và các chính sách liên quan đến tiền lương, tiền thưởng;

Tham mưu cho chủ tịch và Ban Giám đốc xây dựng định mức lao động và công tác an toàn, vệ sinh lao động.

- **Phòng Kế toán**

Tham mưu cho Ban giám đốc về công tác quản lý tài chính, quản lý sử dụng vốn có hiệu quả, bảo toàn và phát triển các nguồn vốn trong phạm vi quản lý của Công ty.

Hướng dẫn, theo dõi kiểm tra, đôn đốc các đơn vị trực thuộc Công ty thực hiện đúng, đầy đủ các chế độ của Nhà nước và Chủ sở hữu trong lĩnh vực quản lý tài chính kế toán.

Tham mưu cho Giám đốc về công tác tổ chức kế toán phù hợp với các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty theo nhu cầu đổi mới cơ chế quản lý, không ngừng cải tiến tổ chức bộ máy và công tác kế toán

Xây dựng trình Ban Giám đốc công ty phê duyệt các phương án thu, chi, cấp phát, điều tiết vốn và thực hiện các quan hệ nộp và thanh toán vốn trong nội bộ cũng như đối với Nhà nước;

Tham mưu cho Ban giám đốc tổ chức bộ máy kế toán để thực hiện nhiệm vụ theo pháp luật;

Tổ chức hạch toán kế toán, thống kê, phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo quy định của Luật Kế toán;

Quản lý vốn và tài sản của công ty theo chế độ tài chính hiện hành;

Cùng với các phòng chức năng tham mưu cho Chủ tịch Công ty – Giám đốc về ký các hợp đồng kinh tế, theo dõi giám sát việc thực hiện các hợp đồng kinh tế;

Tham mưu cho Ban giám đốc giá mua, bán vật tư, thiết bị và các nội dung công việc có liên quan đến công tác tài chính kế toán;

Tiếp thu và triển khai đến các đơn vị trực thuộc công ty, các chính sách, chế độ về tài chính – kế toán; kiểm tra, tổng hợp quyết toán trong toàn công ty báo cáo các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định;

Tham gia thu hồi công nợ;

- **Kế hoạch – Kỹ thuật**

Tham mưu, giúp việc cho Ban giám đốc về công tác xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và thống kê (bao gồm công tác xây dựng giá cước dịch vụ, công tác thương vụ; công tác tiếp thị, chăm sóc khách hàng ..); công tác tổ chức, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, khai thác nguồn dịch vụ.

Xây dựng kế hoạch định hướng phát triển trung, dài hạn, hàng năm, hàng quý, hàng tháng; xây dựng, định hướng kế hoạch kinh doanh; nghiên cứu, khảo sát, tìm kiếm cơ hội hợp tác. Tham mưu giúp Ban Giám đốc Công ty xây dựng các chỉ tiêu, kế hoạch tổng hợp về sản xuất kinh doanh, quản lý kinh tế, quản lý và sử dụng các nguồn vốn có hiệu quả.

Lập và theo dõi việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn tài sản cố định, kế hoạch vật tư chủ yếu, kế hoạch sử dụng các nguồn vốn theo kế hoạch hàng năm và dài hạn của Công ty.

Tổ chức thầu, lập hợp đồng kinh tế về giao, nhận thầu các công trình tư vấn, xây lắp, thuê nhà thầu phụ.

Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật, các chế độ, chính sách của nhà nước trong lĩnh vực quản lý đầu tư xây dựng.

Nghiên cứu thị trường, lập và trình duyệt phương án mở rộng thị trường, chiến lược quảng bá sản phẩm, quy trình tiếp cận và chăm sóc khách hàng

- **Phòng Đầu tư – kinh doanh**

Tham mưu cho Giám đốc Công ty về các lĩnh vực: Đầu tư các dự án ngắn hạn, trung hạn và dài hạn và mô hình quản lý, khai thác thị trường rác thải xây dựng, mở rộng quy mô SXKD Dịch vụ của đơn vị, tạo thêm nhiều việc làm mới để tăng thu nhập cho người lao động, tiến tới đảm nhận thêm nhiệm vụ xây dựng, quản lý nghĩa trang Thành phố khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Lập phương án trình phê duyệt xong, đề án về công tác quản lý và thu gom rác thải xây dựng, trình UBND các cấp phê duyệt, lập phương án mở rộng quy mô SXKD tạo nguồn thu cho đơn vị, tạo việc làm mới cho đội Thị chính, về lâu dài nâng cấp đội Thị chính thành Xí nghiệp để đảm bảo sự phát triển chung của công ty.

Lập phương án trình xin chủ trương và phê duyệt xây dựng, quản lý nghĩa trang vĩnh hằng của Thành phố tại (Hung Tây, Hung Nguyên)

Phối hợp với các phòng đội, Xí nghiệp trong công ty để triển khai thực hiện các dự án, phương án đã được các ngành các cấp và công ty phê duyệt.

Có trách nhiệm kế thừa một phần các quyền lợi nghĩa vụ hợp pháp và tiếp tục xử lý các vấn đề tồn tại, phát sinh khác của một số bộ phận như: Phòng Kế hoạch Kỹ thuật và các phòng, đội liên quan đối với các khoản nợ khách hàng và các cơ quan, đơn vị liên quan kể từ ngày nhận bàn giao và đi vào hoạt động.

- **Phòng kiểm tra**

Là phòng tham mưu giúp Giám đốc công ty trong việc kiểm tra giám sát chất lượng về công tác xử lý vệ sinh môi trường, chấp hành pháp luật lao động, an toàn vệ sinh lao động trong đơn vị.

Tham mưu, phối hợp với cơ quan công an, cơ quan quân sự, các tổ chức đoàn thể, các phòng ban chuyên môn của Công ty trong việc quản lý vũ khí, chất dễ cháy, nổ, chất độc...

Chủ động tham mưu, phối hợp với chính quyền, công an địa phương và các cơ quan đơn vị trên địa bàn xây dựng tốt cụm an toàn và an ninh trật tự trong khu vực.

- **Xí nghiệp dịch vụ môi trường**

Chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng có hiệu quả tài sản, trang thiết bị của Công ty giao cho xí nghiệp.

Xây dựng kế hoạch sản xuất của Xí nghiệp, cân đối lao động, quỹ tiền lương và kinh phí hoạt động để hoàn thành kế hoạch hàng năm.

Quản lý và duy trì tốt công tác hạch toán tài chính theo hình thức báo sổ, hạch toán nội bộ, bảo đảm đúng chế độ và quy định của nhà nước và của công ty trên cơ sở pháp luật kế toán hiện hành.

Được phép chủ động về nguồn tài chính để trả lương cho người lao động và chi phí trực tiếp cho sản xuất kinh doanh, trên nguyên tắc thực hiện chế độ khoán và trích nộp đầy đủ về các chỉ tiêu theo quy định cho Công ty.

Mở rộng các loại hình hợp đồng dịch vụ môi trường như; bốc và vận chuyển rác phế thải, rác thải sinh hoạt ... cho các đối tượng khách hàng trong và ngoài Thành phố .

Nhận nạo vét mương công rãnh, đất đá , phế thải xây dựng, thông tắc hút hầm cầu, sửa chữa các công trình vệ sinh, các công trình dân dụng.

Nhận và hợp đồng dịch vụ về lau kính rửa nhà với các Công ty, nhà hàng, khách sạn trong và ngoài thành phố.

Chủ động phối hợp với phòng Kế toán, TCHC, KHKT để thanh quyết toán định kỳ và trích nộp các khoản nghĩa vụ đầy đủ như chế độ tiền lương, bảo hộ lao động, bảo hiểm XH, BHYT ... cho người lao động.

Quản lý điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp DVMT theo quy định nhằm đảm bảo SXKD có lãi hàng năm.

- **Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghi Yên, Nghi Lộc**

Điều hành các xe vận chuyển chất thải vào đổ các loại chất thải đúng quy định;

Thực hiện nghiêm chỉnh nội quy về an toàn lao động và phòng chống cháy nổ;

Thực hiện đúng các quy định bảo vệ môi trường, thực hiện đầy đủ quy trình tiếp nhận chất thải, thực hiện cân khối lượng chất thải khi tiếp nhận vào bãi rác; Điều hành

các xe vận chuyển chất thải đổ các loại chất thải đúng quy định; thực hiện nghiêm chỉnh nội quy về an toàn lao động và phòng chống cháy nổ;

Có trách nhiệm thực hiện việc xử lý chất thải (bao gồm chất thải rắn không nguy hại và phân bùn bể phốt,) theo các phương pháp và hướng dẫn của các phòng nghiệp vụ chuyên môn liên quan trực tiếp thực hiện xử lý chất thải đô thị theo đúng quy trình. Không để nước rỉ rác chảy lan tràn ra khu vực chung quanh gây ô nhiễm. Thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom nước rỉ rác chảy tràn ra khu vực vành đai, khuôn viên KLH gây ô nhiễm; thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom nước rỉ rác và hệ thống xử lý phân bùn bể phốt trước khi nước rỉ rác chảy vào hệ thống xử lý;

Chịu trách nhiệm kiểm soát (qua cân điện tử) khối lượng chất thải vận chuyển đến KLH để xử lý. Quản lý việc rửa xe, hệ thống thiết bị phục vụ công tác rửa xe vận chuyển chất thải rắn trước khi ra khỏi bãi rác, đồng thời theo dõi, ghi chép các xe vận chuyển không xịt rửa sạch sẽ và lập biên bản vi phạm đối với các lái xe, chuyển biên bản về Công ty ra Quyết định xử phạt theo Quy định Công ty;

Xí nghiệp phải xác định đúng thành phần chất thải được phép xử lý. Đối với chất thải do các đơn vị, tổ chức cá nhân không thuộc Công ty quản lý, khi đưa vào bãi phải có hợp đồng xử lý đã được ký kết giữa Công ty với đơn vị, hoặc ý kiến chỉ đạo của UBND Tỉnh Nghệ An..

- **Các đơn vị trực thuộc**

Thực hiện sản xuất dịch vụ theo nhiệm vụ chuyên môn của đơn vị.

Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, dịch vụ, kế hoạch phát triển khách hàng và các loại kế hoạch khác phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh của đơn vị để trình Công ty duyệt.

Có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ Công ty giao hàng năm, quý, tháng.

Quản lý vật tư, tiền vốn, tài sản và các nguồn lực khác của Công ty giao để duy trì và phát triển sản xuất dịch vụ. Thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ chính sách nhà nước ban hành, các nội quy, quy chế của Công ty.

Có trách nhiệm đảm bảo thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách của nhà nước đối với người lao động, ổn định đời sống về vật chất, tinh thần và việc làm cho công nhân viên chức thuộc đơn vị mình quản lý.

2. Ngành nghề sản xuất kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900326985 đăng ký lần đầu ngày 22/01/2010, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 12/11/2014, ngành nghề kinh doanh hiện tại của Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An bao gồm:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác Chi tiết: Quét, thu gom rác đường, hè phố và các nơi công cộng; thu gom rác thải: sinh hoạt, công nghiệp cho các cơ quan đơn vị và đến tận các hộ gia đình, hút, thông tắc hầm cầu	8129
2	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bóc và vận chuyển rác về khu xử lý chất thải, tổ chức thu phí vệ sinh và thu gom rác thải trong khu dân cư	8299
3	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác Chi tiết: Xây dựng, lắp đặt, sửa chữa, nạo vét hệ thống các mương cống thoát nước, vỉa hè và nhà vệ sinh	4290
4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng, lắp đặt, sửa chữa, nạo vét hệ thống các mương cống thoát nước, vỉa hè và nhà vệ sinh	4290
5	Thu gom rác thải không độc hại	3811
6	Thu gom rác thải độc hại	3812
7	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821
8	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	3822
9	Tái chế phế liệu	3830

10	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sở hữu sử dụng hoặc đi thuê	6810
----	--	------

3. Sản phẩm dịch vụ chủ yếu

- Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt, rác thải công nghiệp, rác thải độc hại đảm bảo vệ sinh môi trường;
- Quản lý nghĩa trang nhân dân làm các dịch vụ tang lễ;
- Quản lý duy trì công viên, vườn hoa, cây xanh thảm cỏ đường phố, đảo giao thông;

4. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang Công ty cổ phần

4.1. Thực trạng lao động Công ty trước cổ phần hóa

Số lượng lao động làm việc tại Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An, tính đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (Ngày 25/08/2015) là: 507 người.

Bảng 1: Thực trạng lao động

TT	Nội dung	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
	Phân loại theo thời hạn hợp đồng	507	100%
1	Không thuộc đối tượng ký HĐLĐ (Nhà nước bổ nhiệm)	05	0,99
2	HĐLĐ không xác định thời hạn.	340	67,06
3	HĐLĐ xác định thời hạn từ 1 đến 3 năm.	162	31,95
4	HĐLĐ dưới 1 năm	0	0
	Phân loại theo trình độ lao động	507	100%
1	Đại học	50	9,86
2	Cao đẳng	07	1,38
3	Trung cấp	03	0,59
4	CN kỹ thuật, LĐPT, trình độ khác	447	88,17
	Phân loại theo giới tính	507	100%

1	Nam	227	44,77
2	Nữ	280	55,23

(Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An)

Trình độ văn hóa, nghiệp vụ chuyên môn của cán bộ công nhân viên trong Công ty tập trung ở trình độ trình độ phổ thông trung học chiếm tỷ trọng lớn nhất (88,17%), Đại học và trên Đại học (chiếm 9,86%) và số cán bộ nhân viên có trình độ Cao đẳng, trung cấp chiếm tỷ trọng thấp nhất với 1,97%. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý Công ty có tinh thần trách nhiệm cao, năng động và nắm vững chính sách chế độ, nghiệp vụ, chuyên môn là những người có nhiều kinh nghiệm, đã trải qua hoạt động thực tiễn công tác tại các đơn vị cơ sở. Do vậy, cán bộ nhân viên có khả năng chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Nguồn nhân lực của Công ty có những điểm mạnh sau:

- Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An đang có nguồn nhân lực có chất lượng tương đối cao, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và lao động có trình độ đại học và trên đại học chiếm tỷ trọng khá lớn trong cơ cấu lao động. Cơ cấu đội ngũ lao động tương đối phù hợp về trình độ (theo các cấp độ đào tạo khác nhau phù hợp với công việc đảm nhận) và về kinh nghiệm làm việc.
- Đội ngũ cán bộ được đào tạo tương đối bài bản, có kỹ năng và kiến thức tốt về lĩnh vực dịch vụ môi trường.
- Cán bộ công nhân viên đều gắn bó, tâm huyết với Công ty, trong đó, lao động có Hợp đồng không xác định thời hạn chiếm trên 67%. Các cán bộ công nhân viên trong Công ty đều có ý thức chấp hành kỷ luật và lao động tốt.

Để bắt kịp với sự phát triển đất nước cũng như sự phát triển theo định hướng đã đề ra, Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An luôn chú trọng, quan tâm đến việc nâng cao trình độ tay nghề, chuyên môn, trình độ lý luận nhận thức cho cán bộ công nhân viên trong Công ty.

4.2. Lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần

Tổng số lao động có tên trong danh sách tại thời điểm công bố GTDN: 507 người:

- Số lao động đủ điều kiện nghỉ hưu: 4 người

Bản công bố thông tin Công ty TNHH MTV môi trường đô thị tỉnh Nghệ An

- Số lao động thuộc diện dôi dư theo Nghị định 63/2015/NĐ-CP: 30 người
- Số lao động chấm dứt hợp đồng lao động và hưởng trợ cấp mất việc: 8 người
- Số lao động tiếp tục sử dụng tại Công ty cổ phần: 465 người

Căn cứ vào Quyết định phương án sử dụng lao động và nhu cầu sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa. Công ty sau cổ phần hóa sẽ có nhiều thuận lợi trong việc tiếp cận gần hơn với nền kinh tế thị trường, vì vậy để mở rộng hoạt động SXKD, tận dụng thời cơ trong nền kinh tế mở cửa, Công ty có nhu cầu lớn hơn về lao động. Dự kiến cơ cấu lao động hiện tại của Công ty sẽ được giữ nguyên, thêm vào đó Công ty sẽ tuyển dụng thêm lao động phổ thông trong trường hợp cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng SXKD.

STT	Nội Dung	Số lao động
1	Số lao động có trình độ đại học và trên đại học	50
2	Số lao động có trình độ cao đẳng, trung cấp	10
3	Số lao động đã được đào tạo qua các trường công nhân kỹ thuật, dạy nghề	125
4	Số lao động chưa qua đào tạo, lao động phổ thông	280
	Tổng số lao động	465

(Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An)

Công ty bố trí lao động cụ thể như sau:

STT	Tên chức danh , bộ phận	Đơn vị	Số lao động cần thiết
1	Ban giám đốc	Người	04
2	Phòng Tổ chức hành chính	Người	05
3	Phòng Kế hoạch Kỹ thuật	Người	05
4	Phòng Kế toán	Người	05

Bản công bố thông tin Công ty TNHH MTV môi trường đô thị tỉnh Nghệ An

5	Phòng Đầu tư kinh doanh	Người	09
6	Phòng Quản lý đầu mối, thu phí	Người	10
7	Phòng Kiểm tra	Người	08
8	Xí nghiệp Dịch vụ môi trường	Người	61
9	Xí nghiệp Khu liên hiệp	Người	27
10	Đội xe máy	Người	30
11	Đội thị chính	Người	16
12	Tổ Bảo vệ - điện nước	Người	05
13	Đội Thu gom rác số 1	Người	50
14	Đội Thu gom rác số 2	Người	50
15	Đội Thu gom rác số 3	Người	45
16	Đội Thu gom rác số 4	Người	45
17	Đội Thu gom rác số 5	Người	45
18	Đội Thu gom rác số 6	Người	45
	Tổng cộng	Người	465

(Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An)

❖ Bố trí về lao động:

Tiêu chuẩn hóa đội ngũ lao động sau khi cổ phần trên cơ sở đội ngũ cán bộ quản lý có tính chuyên nghiệp gọn nhẹ; lao động trực tiếp (nhân viên) đáp ứng yêu cầu văn minh, hiện đại. Hướng tới một người có khả năng kiêm nhiều việc, vừa giảm chi phí nhân công cho công ty, vừa giúp người lao động có mức thu nhập tốt hơn.

❖ **Tuyển dụng lao động**

- Ưu tiên tuyển dụng công nhân có tay nghề bậc cao, công nhân đã đào tạo qua trường Cao đẳng nghề vào làm việc được ngay, trường hợp không có mới tuyển dụng lao động phổ thông (có bằng tốt nghiệp phổ thông trung học)
- Công tác tuyển dụng lao động: xây dựng cụ thể quy chế tuyển dụng, kế hoạch bồi dưỡng đào tạo nguồn nhân lực trẻ gắn đào tạo cơ bản với tăng cường công tác đào tạo tại chỗ.
- Tạo cơ hội cho người lao động phát huy tính năng động, sáng tạo trong sản xuất kinh doanh.

❖ **Kế hoạch đào tạo lại:**

Chú trọng đào tạo, đào tạo lại cán bộ quản lý, nghiệp vụ, phương châm đào tạo tại chỗ, khuyến khích người lao động tự trau dồi kiến thức để phù hợp với nhu cầu tại Công ty Cổ phần sau cổ phần hóa nhằm sử dụng hợp lý đội ngũ cán bộ công nhân viên sẵn có cũng như theo yêu cầu của Sản xuất kinh doanh và đáp ứng yêu cầu thực tế của xã hội.

Nâng cao trình độ quản lý của Ban lãnh đạo Công ty thông qua các lớp đào tạo quản lý. Đào tạo chuyên sâu kiến thức chuyên ngành cho phụ trách các Phòng ban và Trưởng phó các đơn vị trong Công ty.

Thường xuyên cập nhật thông tin về các Nghị định, Thông tư của các cơ quan quản lý nhà nước nhằm áp dụng một cách hiệu quả các chính sách trong công tác quản lý doanh nghiệp.

Tăng cường đào tạo nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ cho toàn thể CBCNV Công ty. Thái độ phục vụ, năng lực hoạt động của nhân viên là nhân tố quan trọng đối với loại hình kinh doanh của Công ty.

❖ **Chính sách đối với người lao động**

- Căn cứ vào bảng lương do Nhà nước quy định, thực hiện trả lương, trả thưởng theo mức độ hoàn thành, mức độ phức tạp của công việc và theo khoán sản phẩm.
- Có quy chế khuyến khích khen thưởng, kỷ luật rõ ràng cho từng bộ phận chuyên môn, tăng năng suất, bảo đảm chất lượng và hiệu quả. Đối với người lao động và đơn vị gây ra thiệt hại và vi phạm quy định, nội quy, quy chế của Công ty sẽ có những hình thức kỷ luật và hình thức xử phạt về kinh tế.

- Thực hiện đóng Bảo hiểm xã hội, mua Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo chế độ, chính sách Nhà nước
- Thực hiện vệ sinh, an toàn lao động, trang bị bảo hộ lao động cho người lao động
- Thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ khác với người lao động theo quy định của Nhà nước

5. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp và giá trị phần vốn Nhà nước

5.1. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp

- Căn cứ Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 25 tháng 08 năm 2015 của Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An.
- Căn cứ Quyết định số 1820/QĐ-UBND ngày 27/07/2015 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An.
- Giá trị thực tế của Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An và giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An vào thời điểm ngày 30/09/2014 như sau:
 - Giá trị thực tế doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30/09/2014 : 53.467.775.281 đồng
 - Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp : 38.585.099.467 đồng

Bảng 2: Giá trị doanh nghiệp thực tế tại thời điểm 30/09/2014

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
1	2	3	4
A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)	51.853.985.644	53.467.775.281	1.613.789.637
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	37.270.974.474	38.884.764.111	1.613.789.637

Bản công bố thông tin Công ty TNHH MTV môi trường đô thị tỉnh Nghệ An

1. Tài sản cố định	33.538.623.391	33.929.591.028	390.967.637
a. Tài sản cố định hữu hình	33.538.623.391	33.929.591.028	390.967.637
b. Tài sản cố định vô hình			
c. Bất động sản đầu tư			
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	235.247.158	235.247.158	
4. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn			
5. Chi phí trả trước dài hạn	3.497.103.925	4.719.925.925	1.222.822.000
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	14.583.011.170	14.583.011.170	
1. Tiền	429.890.130	429.890.130	
Tiền mặt tồn quỹ	289.456.150	289.456.150	
Tiền gửi ngân hàng	140.433.980	140.433.980	
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn			

3. Các khoản phải thu	3.255.381.967	3.255.381.967	
4. Vật tư hàng hóa tồn kho	483.429.800	483.429.800	
5. TSLĐ khác	3.562.673.317	3.562.673.317	
6. Chi phí sự nghiệp	6.851.635.956	6.851.635.956	
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp			
IV. Giá trị quyền sử dụng đất			
B. Tài sản không cần dùng			
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn			
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn			
C. Tài sản chờ thanh lý			
D. Tài sản hình thành từ quỹ KTPL			
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP	51.853.985.644	53.467.775.281	1.613.789.637
<i>Trong đó:</i>			
Tổng giá trị thực tế doanh nghiệp (Mục A)	51.853.985.644	53.467.775.281	1.613.789.640

E1. Nợ thực tế phải trả	7.882.675.814	7.882.675.814	
<i>Trong đó:</i> Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp NSNN			
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	7.000.000.000	7.000.000.000	
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A-(E1+E2)]	36.971.309.830	38.585.099.467	1.613.789.637

(Nguồn: Biên bản xác định GTDN tại thời điểm 30/09/2014- Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An)

5.2. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý

Một số khoản nợ phải thu khó đòi tại ngày 30/09/2014 đã được Công ty ghi nhận trên sổ sách kế toán và đã được lập dự phòng tại ngày 30/09/2014. Các khoản nợ này đang được theo dõi thu hồi và xử lý nhưng chưa xử lý được, do đó khi xác định lại giá trị doanh nghiệp chưa điều chỉnh khoản dự phòng này theo quy định tại Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính, các khoản này sẽ được xem xét xử lý ở giai đoạn chính thức chuyển sang Công ty cổ phần.

Công ty có trách nhiệm tiếp tục đối chiếu, xác nhận các khoản phải trả theo quy định và điều chỉnh các khoản chênh lệch (nếu có) cho phù hợp trước khi Công ty chính thức chuyển đổi sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần.

Kết quả sản xuất kinh doanh từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần sẽ được xử lý theo Chế độ kế toán tài chính hiện hành của Nhà nước.

5.3. Thực trạng về tài chính công nợ

Về quyết toán thuế:

Về quyết toán thuế, theo Khoản 2 Điều 21 của Nghị định 59/2011/NĐ-CP: “Trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh

ngiệp lần đầu, doanh nghiệp cổ phần hóa phải hoàn thành việc lập báo cáo tài chính tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp, thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính, đề nghị cơ quan thuế kiểm tra quyết toán thuế, thực hiện quyết toán, xác định giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần và các tồn tại về tài chính cần tiếp tục xử lý”.

Về các khoản phải trả, phải thu:

Nợ phải trả bao gồm các khoản nợ phải trả được thể hiện trên Báo cáo tài chính và sổ sách kế toán của Công ty tại thời điểm 30/09/2014 đã được đối chiếu xác nhận tới từng đối tượng (nếu có) hoặc đang luân chuyển tại thời điểm đánh giá. Bao gồm phải trả người bán, thuế và các khoản nộp Nhà nước, phải trả người lao động và vay dài hạn:

- Phải trả người bán được xác định theo các biên bản đối chiếu công nợ hoặc theo giá trị sổ sách.

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước xác định theo số liệu trên báo cáo tài chính tại ngày 30/09/2014, sổ kế toán của Công ty và Biên bản kiểm tra thuế tại Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An của chi cục thuế Nghệ An ngày 30/09/2015.

❖ Các khoản phải thu

Bảng 3: Thực trạng các khoản phải thu

Đơn vị tính: Đồng

TT	Khoản mục	30/09/2014	
		Số liệu theo sổ sách kế toán	Giá trị xác định lại
I	Phải thu ngắn hạn	3.255.381.967	3.255.381.967
1	Phải thu khách hàng	934.355.048	934.355.048
2	Trả trước cho người bán	-	-
3	Phải thu nội bộ	-	-
4	Các khoản phải thu khác	2.321.026.919	2.321.026.919

TT	Khoản mục	30/09/2014	
5	Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
II	Phải thu dài hạn	-	-
	Cộng	3.255.381.967	3.255.381.967

(Nguồn: Biên bản xác định GTDN tại thời điểm 30/09/2014- Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An)

❖ Các khoản phải trả

Bảng 4: Thực trạng các khoản phải trả

Đơn vị tính: Đồng

TT	Khoản mục	30/09/2014	
		Số liệu theo sổ sách kế toán	Giá trị xác định lại
I	Nợ ngắn hạn	7.882.675.814	7.882.675.814
2	Phải trả người bán	132.265.000	132.265.000
3	Người mua trả tiền trước	5.221.925.806	5.221.925.806
4	Phải trả nội bộ	514.092.968	514.092.968
5	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.007.072.095	1.007.072.095
6	Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.007.319.945	1.007.319.945
I	Nợ dài hạn	152.000.000	152.000.000
	Tổng cộng	8.034.675.814	8.034.675.814

(Nguồn: Biên bản xác định GTDN tại thời điểm 30/09/2014- Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An)

❖ Nguồn vốn, quỹ

Bảng 5: Thực trạng về nguồn vốn, quỹ của Công ty

Đơn vị tính: Đồng

TT	Khoản mục	30/09/2014	
		Số liệu theo sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại
I	Vốn chủ sở hữu	36.819.309.830	38.433.099.467
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	39.859.355.352	39.859.355.352
2	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	1.613.789.637
3	Quỹ đầu tư phát triển	759.295.202	759.295.202
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(5.344.347.736)	(5.344.347.736)
5	Nguồn vốn đầu tư XDCB	1.545.007.012	1.545.007.012
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	7.000.000.000	7.000.000.000
1	Nguồn kinh phí	7.000.000.000	7.000.000.000
2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	-
	Tổng cộng Nguồn vốn	51.853.985.644	53.467.775.281

(Nguồn: Biên bản xác định GTDN tại thời điểm 30/09/2014- Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An)

6. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

6.1. Tài sản cố định

Bảng 6: Giá trị tài sản cố định và đầu tư dài hạn

(Đơn vị tính: đồng)

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	37.270.974.474	38.884.764.111	1.613.789.637
1. Tài sản cố định	33.538.623.391	33.929.591.028	390.967.637
a. Tài sản cố định hữu hình	33.538.623.391	33.929.591.028	390.967.637
b. Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
c. Tài sản cố định vô hình (chưa gồm GT QSD đất)	-	-	-
2. Bất động sản đầu tư	-	-	-
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	235.247.158	235.247.158	-
5. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	-	-	-
6. Chi phí trả trước dài hạn (chưa gồm GT lợi thế KD)	3.497.103.925	4.719.925.925	1.222.822.000

7. Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
8. Tài sản dài hạn khác	-	-	-

(Nguồn: Biên bản xác định GTDN tại thời điểm 31/12/2014- Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An)

Nhà cửa kiến trúc

Căn cứ vào Biên bản kiểm kê của doanh nghiệp tại ngày 30/09/2014 có đối chiếu với số liệu trên sổ kế toán, được đầu tư sau thời điểm 30/09/2014 được xác định trên cơ sở giá gốc. Căn cứ vào giá bán của tài sản mới trên thị trường hoặc giá bán tài sản tương đương và căn cứ vào chất lượng thực tế của tài sản, thời gian sử dụng của tài sản theo quy định và theo thời gian khấu hao thực tế của tài sản này tại doanh nghiệp để đánh giá nguyên giá và giá trị còn lại. Cụ thể, sau khi đánh giá lại, giá trị của Nhà cửa kiến trúc (Trụ sở chính và xí nghiệp) của Công ty như sau:

Nhà cửa kiến trúc	Nguyên giá (VND)	Giá trị còn lại (VND)
Giá trị sổ sách kế toán	16.856.847.000	16.210.230.672
Giá trị đánh giá lại	16.856.847.000	15.905.216.819
Chênh lệch	-	(305.013.853)

(Nguồn: Biên bản xác định GTDN tại thời điểm 30/09/2014- Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An)

Phương tiện vận tải:

Căn cứ vào Biên bản kiểm kê của doanh nghiệp tại ngày 30/09/2014 có đối chiếu với số liệu sổ sách, nguyên giá của thiết bị quản lý được đầu tư sau thời điểm 30/09/2014 được xác định giá gốc. Số lượng phương tiện vận tải là 5 xe ép rác, 1 ô tô quét đường, 3 xe chở rác, 9 xe Ô tô cuốn ép rác, 1 máy ủi, 1 máy đào bánh xích, 1 máy lu rung, 2 xe tải ben. Căn cứ vào giá bán của xe cùng loại mới trên thị trường, thời gian sử dụng của các

loại xe theo quy định và theo thời gian khấu hao thực tế của tài sản này tại doanh nghiệp để đánh giá nguyên giá và giá trị còn lại. Cụ thể như sau:

Sau khi đánh giá lại, giá trị còn lại của phương tiện vận tải như sau:

Phương tiện vận tải	Nguyên giá (VND)	Giá trị còn lại (VND)
Giá trị sổ sách kế toán	26.780.459.075	16.887.938.743
Giá trị đánh giá lại	29.738.902.924	17.583.920.233
Chênh lệch	2.958.443.849	695.981.490

(Nguồn: Biên bản xác định GTDN tại thời điểm 30/09/2014- Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An)

6.2. Đất đai

Giá trị quyền sử dụng đất được tính vào giá trị doanh nghiệp tại Biên bản xác định Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 30/09/2014 của công ty.

6.2.1. Hiện trạng sử dụng đất

- Diện tích cho thuê: 6.766,8 m²
- Vị trí khu đất: Tại xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
- Thời hạn cho thuê đất: Cho đến hết ngày 22 tháng 10 năm 2048
- Hình thức nộp tiền thuê đất: Trả tiền thuê đất hàng năm

STT	Hạng mục công trình	Diện tích đất xây dựng	Tổng diện tích sàn	Kết cấu chủ yếu	Cấp công trình	Số tầng
1	Trụ sở làm việc	389.7	1169.1	Bê tông cốt thép	III	3
2	Hội trường	365.0	365.0	Bê tông cốt thép	IV	1

Diện tích đất còn lại không xây dựng được sử dụng để làm sân vườn và nhà để xe cho cán bộ công nhân viên của Công ty

6.2.2. Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh và nhu cầu sử dụng đất sau khi chuyển đổi doanh nghiệp, Công ty xây dựng phương án sử dụng đất như sau:

Với diện tích đất 6.766,8 m² công ty đang quản lý sử dụng và được UBND tỉnh Nghệ An quyết định cho thuê đất đến ngày 20/10/2048 tại quyết định số 410/QĐ-UBND.ĐC ngày 22 tháng 10 năm 2013 về việc cho Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An thuê đất tại xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An và Hợp đồng thuê đất số 173/HĐ-TĐ ngày 20 tháng 11 năm 2013.

Để thực hiện Nghị định số 59/2011/NĐ-CPH ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần và Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần. Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An đề nghị vẫn được tiếp tục sử dụng diện tích đất đã giao nêu trên vào mục đích làm cơ sở cho văn phòng, quản lý tổ chức, kinh tế và phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm đảm bảo việc làm, ổn định sản xuất kinh doanh sau khi cổ phần hóa.

- Hình thức thuê đất: Trả tiền thuê đất hàng năm và không tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hoá.
- Thời gian thuê đất: Thời gian còn lại của Hợp đồng thuê đất (20/10/2048)

7. Chủ sở hữu Công ty và Danh sách Công ty con và Công ty liên doanh, liên kết

7.1. Chủ sở hữu Công ty

Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An là chủ sở hữu 100% vốn điều lệ Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An.

7.2. Danh sách Công ty con và Công ty liên kết, liên doanh

Không có

8. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa

8.1. Tình hình động sản xuất kinh doanh

Bảng 7: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2012, 2013, 2014

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	2012	2013	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.703.424.695	40.430.869.108	53.864.106.303
2. Các khoản giảm trừ	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.703.424.695	40.430.869.108	53.864.106.303
4. Giá vốn hàng bán	25.618.799.994	32.393.457.904	49.350.926.073
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.084.624.701	8.037.411.204	4.513.180.230
6. Doanh thu hoạt động tài chính	28.699.539	20.637.744	15.880.701
7. Chi phí tài chính	-	97.500.000	67.500.000
8. Chi phí bán hàng	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.113.641.938	8.197.082.742	11.603.280.068
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(317.698)	(236.533.794)	(7.141.719.137)
11. Thu nhập khác	9.335.000	244.245.008	855.383.000
12. Chi phí khác	-	-	787.139.000

CHỈ TIÊU	2012	2013	2014
13. Lợi nhuận khác	9.335.000	244.245.008	68.244.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.017.302	7.711.214	(7.073.475.137)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	1.866.000	-
16. Chi phí thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.017.302	5.845.214	(7.073.475.137)

(Nguồn: BCTC tự lập năm 2012, 2013, 2014 của Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An)

Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An hàng năm có doanh thu lợi nhuận tăng trưởng. Năm 2014 tổng doanh thu đạt trên 53,8 tỷ đồng, tăng 30% so với năm 2013. Nhờ đó thu nhập người lao động ngày càng được nâng cao, 100% lao động có việc làm, thu nhập bình quân đầu người đạt 4,2 triệu đồng/người/tháng, tăng 30% so với năm 2010.

Năm 2013 và 2014 mặc dù doanh thu của Công ty có sự tăng trưởng nhưng lợi nhuận mạnh bởi các nguyên do chủ yếu sau:

Thứ nhất, Nghệ An trở thành trọng tâm phát triển mới của các tỉnh miền Trung. Công ty không những được hưởng sự thuận lợi trong tương lai, song còn phải đối mặt với nhiều thách thức hơn. Sự cạnh tranh từ các công ty môi trường khác trong tỉnh và các vùng lân cận khiến mảng hoạt động kinh doanh của công ty gặp nhiều khó khăn, làm giá thầu các công trình và dự án thấp hơn trước đây.

Thứ hai, khung giá thầu cho các dịch vụ của ngành đang bị điều chỉnh theo xu hướng thấp khiến doanh thu của công ty cũng ảnh hưởng không nhỏ tại cả thời điểm hiện tại và trong những năm tới.

Thứ ba, kèm theo sự tăng trưởng về doanh thu là sự tăng trưởng về chi phí chung của Doanh nghiệp; sự gia tăng chi phí lớn này là do nhu cầu trong quá trình mở rộng kinh doanh của đơn vị, đặc biệt là trong lĩnh vực môi trường đô thị, dịch vụ công ích vốn đòi hỏi nhiều nhân công, nguyên vật liệu và các chi phí khác.

a. Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận của Công ty

- Nguồn thu của Công ty đến từ hoạt động kinh doanh chính là Thu gom rác thải và xử lý vấn đề môi trường đô thị như cây xanh, điện, nước....

Bảng 8: Cơ cấu doanh thu theo lĩnh vực hoạt động năm 2013, 2014

Đơn vị tính: Đồng

T T	CHỈ TIÊU	2013	Tỷ trọng (%)	2014	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu thuần	40.430.869.108	99,34	53.864.106.303	98,41
2	Doanh thu hoạt động tài chính	20.637.744	0,05	15.880.701	0,03
3	Thu nhập khác	244.245.008	0,61	855.383.000	1,56
TỔNG CỘNG		40.695.751.860	100	54.735.370.004	100

(Nguồn: (Nguồn: BCTC tự lập năm 2013, 2014 của Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An))

Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An ghi nhận doanh thu thuần đạt mức hơn 53,8 tỷ đồng năm 2014. Năm 2013, Công ty ghi nhận doanh thu 40,4 tỷ đồng. Trong khi Doanh thu thuần của Công ty có sự tăng trưởng mạnh hơn 20% thì Doanh thu từ hoạt động tài chính năm 2014 lại thấp hơn so với năm 2013. Thu nhập khác cũng chỉ được ghi nhận vào năm 2014 ở mức 885 triệu cao hơn năm 2013.

Doanh thu năm 2015 dự kiến đạt mức tăng trưởng tương đương năm 2014 với tổng doanh thu giao động quanh ngưỡng 70 tỷ nhờ sự tăng trưởng từ hoạt động kinh doanh chính. Điều này là đặc thù ngành luôn ổn định và thậm chí có sự tăng trưởng mạnh mà không ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của công ty.

Bảng 9: Cơ cấu lợi nhuận theo lĩnh vực hoạt động 2013,2014

T T	CHỈ TIÊU	2013	Tỷ trọng (%)	2014	Tỷ trọng (%)
1	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.037.411.204	99,90	4.513.180.203	(176,28)
2	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(236.533.794)	(2,94)	(7.141.719.137)	278,94
3	Lợi nhuận khác	244.245.008	3,04	68.244.000	(2,67)

Nguồn: (Nguồn: BCTC tự lập năm 2013, 2014 của Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An)

Mặc dù doanh thu được dự báo sẽ giữ ổn định ở mức 50 tỷ, kèm theo đó là sự tăng trưởng của Giá vốn hàng bán và chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng dẫn tới lợi nhuận sau thuế sụt giảm mạnh trong năm 2014. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu cũng ở mức rất thấp, dưới 1%. Đây là đặc thù ngành hoạt động kinh doanh của công ty do đòi hỏi lượng vốn lớn, chi phí đầu tư ban đầu và chi phí khấu hao cũng tương đối lớn. Vì vậy tỷ suất lợi nhuận chưa thể cao ngay trong giai đoạn này.

b. Nguyên vật liệu

Nguồn cung cấp nguyên vật liệu

Hiện nay, Công ty đang sử dụng ổn định các nguyên vật liệu, thiết bị sản xuất trong nước phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích gồm: xăng, dầu, nhớt, vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng các loại, xe ô tô vận chuyển rác, xe gom rác đẩy tay và một số sản phẩm cơ khí chế tạo,... Về chế độ ưu đãi: phần lớn nhà cung cấp đều chấp thuận phương thức trả chậm hoặc thanh toán theo thời gian hoạch định khi công ty có yêu cầu và luôn giữ mối quan hệ tốt. Giá cả nguyên vật liệu có ảnh hưởng lớn đến tình hình sản xuất của Công ty nhưng đơn vị cố gắng tiết kiệm tối đa chi phí để bù đắp.

Với lĩnh vực hoạt động chính là cung cấp dịch vụ công ích, nguồn cung ứng nguyên vật liệu của Công ty trong các hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải: Xăng dầu là nguồn nhiên liệu chính để Công ty hoạt động thu gom và vận chuyển rác;

Sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu

Nhìn chung, do các loại nguyên vật liệu phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty khá đơn giản và phổ biến nên Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An có nhiều thuận lợi trong việc lựa chọn đơn vị cung cấp với mức giá hợp lý và nguồn cung ổn định, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty. Có thể nói Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An có nguồn cung cấp nguyên, nhiên vật liệu ổn định, giúp Công ty chủ động được trong sản xuất, đảm bảo phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ảnh hưởng của nguyên vật liệu đầu vào tới doanh thu lợi nhuận

Tỷ trọng giá vốn hàng bán trong cơ cấu chi phí là khá lớn chính vì vậy việc biến động giá cả nguyên vật liệu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Tình hình phát triển xây dựng hạ tầng cũng gặp nhiều khó khăn.

Trong những năm qua do nền kinh tế chịu ảnh hưởng chung của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, giá cả nguyên vật liệu biến động khó lường liên tục theo giá điện, xăng dầu; giá hàng hóa dịch vụ tăng cao cũng gây ra những ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả kinh doanh của Công ty. Để giảm rủi ro này, doanh nghiệp cũng thực hiện phát triển khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ, ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ xử lý rác thải với khách hàng nhằm giảm rủi ro biến động, tăng sự ổn định và khả năng dự báo doanh thu lợi nhuận, qua đó điều chỉnh chiến lược thích hợp. Tuy vậy, các rủi ro vẫn luôn tồn tại, cần doanh nghiệp luôn theo dõi và thay đổi.

Công tác quản lý, vận hành, bảo dưỡng, bảo trì phương tiện thiết bị triển khai thực hiện ở cơ sở còn nhiều hạn chế, chưa được đẩy mạnh và triển khai triệt để

c. Cơ cấu chi phí của Công ty

Bảng 10: Cơ cấu chi phí 2013, 2014

TT	CHỈ TIÊU	2013	Tỷ trọng (%)	2014	Tỷ trọng (%)
1	Giá vốn hàng bán	32.393.457.904	79,61	49.350.926.073	79,84

2	Chi phí bán hàng	-		-	
3	Chi phí tài chính	97.500.000	0,24	67.500.000	0,12
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.197.082.742	20,15	11.603.280.068	18,77
5	Chi phí khác	-		787.139.000	1,27
TỔNG CỘNG		40.688.040.646	100	61.808.845.141	100

(Nguồn: (Nguồn: BCTC tự lập năm 2013, 2014 của Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An)

Nhìn chung chi phí của Công ty tăng đáng kể từ năm 2013 tới nay. Năm 2013, tổng chi phí gần 30,7 tỷ đồng. Tiếp đến năm 2014, tổng chi phí cho các hoạt động Công ty tăng 32% là 40,6 tỷ và đến năm 2014 gần 62 tỷ đồng. Dự báo trong thời gian tới, chi phí sẽ tiếp tục tăng mạnh do đặc thù hoạt động của công ty trong lĩnh vực dịch vụ môi trường, chịu áp lực chi phí lớn từ quản lý doanh nghiệp, chi phí khấu hao tài sản, thêm vào đó, hoạt động sản xuất kinh doanh mở rộng thì nhu cầu sử dụng nguồn vốn cũng tăng theo, khiến tăng chi phí. Bù lại, trong tương lai, công ty sẽ đạt được mức lợi nhuận lớn hơn khi mà các khoản khấu hao và lãi vay đã được khấu trừ phần lớn.

d. Trình độ công nghệ

So với các công ty hoạt động trong cùng lĩnh vực hiện nay, Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An thuộc nhóm doanh nghiệp có trình độ công nghệ trung bình. Tuy nhiên phương tiện vận tải chưa được cải tiến, đầu tư phù hợp với công nghệ hiện nay, bắt kịp xu hướng sản xuất. Để đảm bảo các đơn vị trực thuộc luôn đảm bảo năng suất tốt, Công ty luôn chú trọng công tác quản lý, vận hành, bảo dưỡng, bảo trì phục vụ việc sửa chữa nhỏ và thay thế phụ tùng của các thiết bị, máy móc khi cần thiết. từng bước nâng cao hiệu quả trong việc xử lý rác và vệ sinh môi trường

e. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Với đặc thù kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công ích, cung ứng dịch vụ, công ty đã tập trung nhiều về nhân vật lực, tăng cường công tác quản lý điều hành sản xuất, tổ chức duy trì thường xuyên có nề nếp trên các lĩnh vực kinh doanh và hoạt động dịch vụ khác..

Nhân dịp kỷ niệm 50 năm thành lập thành phố Vinh và đón nhận Huân chương độc lập hạng Ba, ý tưởng lắp đặt bồn rác xanh để phục vụ du khách bỏ rác thải nhưng vẫn tạo mỹ quan đô thị cho thành phố Vinh được lãnh đạo Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An triển khai thực hiện. Công ty đã chọn phương án làm bồn rác bằng bê tông thành mỏng đúc sẵn, sơn xanh, có cửa bỏ rác, lấy rác phía bên dưới, ngăn trên cùng dùng để làm chậu trồng cây hoa cảnh. Chất liệu bê tông thành mỏng hóa giải được những yếu điểm của thùng rác bằng nhựa trước đây, có thể chịu được sự khắc nghiệt của thời tiết miền Trung, không bị lấy trộm, có cây xanh phía trên tạo nên sự hài hòa, đẹp mắt.

Công ty đã lắp đặt các bồn rác xanh trên vỉa hè tại các tuyến đường chính xung quanh Quảng trường Hồ Chí Minh như: đường Hồ Tùng Mậu, Trường Thi, Nguyễn Du và Lê Mao. Để bảo quản và vận hành tốt các bồn rác,



Lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty đạt nhiều thành tựu đáng kể; Công ty đã phối kết hợp với nhà thầu, chỉ đạo Ban quản lý đẩy mạnh tiến độ xây dựng và đưa vào sử dụng Khu liên hợp xử lý rác thải rắn Nghi Yên năm 2013. Hoàn thành xây dựng trụ sở làm việc của Công ty và đưa vào sử dụng năm 2011 với tổng kinh phí trên 14,8 tỷ đồng. Hoàn thành thủ tục đầu tư và khởi công xây dựng ô chôn lấp 2A, 2B Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghi Yên, quy hoạch xây dựng nghĩa trang cát táng vừa và nhỏ ở thành phố Vinh (Nghị Kim, Nghị Liên, Hưng Hòa). Nhờ đó, Công ty đã giải quyết cơ bản những tồn đọng, ách tắc trong quản lý, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn cả TP. Vinh và các vùng phụ cận.

f. Hoạt động marketing

Uy tín của Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An được xây dựng chủ yếu nhờ vào chất lượng dịch vụ mà Công ty cung cấp và kinh nghiệm trong những

năm qua. Hơn nữa, để tạo điều kiện cho việc phát triển hoạt động trong tương lai, bộ phận phụ trách kinh doanh của Công ty cũng đã có những hoạt động nghiên cứu thị trường, từng bước mở rộng mô hình công tác tại địa bản tỉnh và các vùng phụ cận. Cùng với đó, việc sử dụng các công cụ như đăng báo, quảng cáo,... để quảng bá hình ảnh đến công chúng cũng đã được công ty áp dụng.

g. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Hiện tại công ty chưa xây dựng logo và chưa đăng ký bản quyền về nhãn hiệu, và sẽ được thực hiện sau khi chuyển sang hình thức công ty cổ phần.

h. Các hợp đồng lớn đang thực hiện

STT	Khách hàng	Số hợp đồng	Ngày ký kết	Nội dung	Giá trị theo hợp đồng
1	CTCP Môi trường Cây xanh Nghi Lộc	08/HĐ-KT	14/01/2015	Tập kết và xử lý rác thải sinh hoạt	70.000 đồng/ tấn (Chưa bao gồm VAT)
2	CTCP Khách sạn giao tế Nghệ An	01/HĐ-KT	01/01/2015	Đẩy rác ra ngoài đường và vận chuyển rác thải sinh hoạt và xử lý rác tại bãi rác Nghi Yên, Nghi Lộc, Nghệ An.	1.500.000 đồng/tháng (khối lượng 06 xe gom rác)
3	CTCP Môi trường Cây xanh và Xây dựng Hưng Nguyên	07/HĐ-KT	01/01/2015	Tập kết và xử lý rác thải sinh hoạt của Cơ quan Công ty.	70.000 đồng/tấn (Chưa bao gồm VAT)
4	CT TNHH Nhựa Thiêu ziên Tiên Phong Miền Trung	13/HĐ-KT	02/01/2015	Câu, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt, trong khuôn viên khu	+ Bốc và vận chuyển rác sinh hoạt: 196.125 đồng/m ³ + Xử lý rác thải:

Bản công bố thông tin Công ty TNHH MTV môi trường đô thị tỉnh Nghệ An

				vực cơ quan Công ty và xử lý rác tại bãi rác Nghi Yên, Nghi Lộc, Nghệ An.	70.000 đồng/m ³
5	CTCP Đầu tư và Xây dựng Trảng An	02/HĐ-KT	06/01/2015	Cầu, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt, trong khuôn viên khu vực cơ quan Công ty	4.000.000 đồng/tháng (2 ngày/lần cầu)
6	CT TNHH MTV Tân Khánh An	03/HĐ-KT	05/01/2015	Cầu, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt, trong khuôn viên khu vực cơ quan Công ty xử lý rác tại bãi rác Nghi Yên, Nghi Lộc, Nghệ An	2.475.000 đồng/tháng

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An)

8.2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1. Tổng giá trị tài sản	Đồng	49.414.451.305	52.509.493.432	51.926.052.629

Bản công bố thông tin Công ty TNHH MTV môi trường đô thị tỉnh Nghệ An

2. Vốn nhà nước theo sổ sách kế toán	Đồng	48.025.878.297	48.663.657.566	43.790.417.429
3. Nợ vay ngắn hạn	Đồng	1.000.000.000	200.000.000	1.500.000.000
<i>Nợ quá hạn</i>	<i>Đồng</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
4. Nợ vay dài hạn	Đồng	160.000.000	160.000.000	0
<i>Nợ quá hạn</i>	<i>Đồng</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
5. Nợ phải thu khó đòi	Đồng	-	-	-
6. Tổng số lao động	Người	507	507	507
7. Tổng quỹ lương	Đồng	2.555.280.000	2.555.280.000	2.555.280.000
8. Thu nhập bình quân 1 người/tháng	Đồng/người/tháng	4.200.000	4.200.000	4.200.000
9. Tổng doanh thu	Đồng	30.741.459.234	40.695.751.860	54.735.370.004
10. Tổng chi phí	Đồng	30.732.441.932	40.688.040.646	61.808.845.141
11. Lợi nhuận thực hiện	Đồng	9.017.302	7.711.214	(7.073.475.137)
12. Lợi nhuận sau thuế	Đồng	9.017.302	5.845.214	(7.073.475.137)
13. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn nhà nước	%	0,019	0,012	-

(Nguồn: (Nguồn: BCTC tự lập năm 2012, 2013, 2014 của Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An)

Tại báo cáo tài chính 2013, Công ty ghi nhận Khoản nợ vay dài hạn 160.000.000 đồng tuy nhiên sang năm 2014, do dự thay đổi phương pháp hoạch toán kế toán, Công ty đã ghi nhận lại Khoản này vào Khoản phải trả dài hạn nội bộ. Theo đó trong Báo cáo tài chính năm 2014, Khoản vay dài hạn của Công ty bằng không ở đầu kỳ.

Công ty tăng tỷ trọng nợ ngắn hạn sử dụng từ năm 2013 đến năm 2014 ở mức hơn 3,5 tỷ đồng, lên ngưỡng gần 8 tỷ hiện nay làm tăng áp lực chi phí lãi vay hàng năm. Về

mặt lợi nhuận, mặc dù năm 2014 có sự tăng mạnh về doanh thu, song năm 2014 dự kiến khó có thể đạt được kết quả tốt hơn 2013 và thực tế đã chứng minh như vậy khi Lợi nhuận sau thuế năm 2014 giảm mạnh so với 2013 bởi công ty phải thực hiện tái cơ cấu về lao động và mô hình hoạt động, Điều này có thể ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh trong khoảng 2 đến 3 năm tới. Tuy vậy, công ty vẫn sẽ tăng phần thu nhập của người lao động để đảm bảo mức sống và giúp người lao động gắn bó hơn với công ty, qua đó ổn định hoạt động kinh doanh không bị gián đoạn.

9. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

9.1. Thuận lợi

- Trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ từ khi thành lập đến nay Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An luôn củng cố, đổi mới và đã dần lớn mạnh phát triển về mọi mặt. Công ty với một đội ngũ cán bộ, nhân viên kỹ thuật có trình độ và kinh nghiệm lâu năm đã tạo dựng vững chắc thương hiệu uy tín trong ngành.
- Ban lãnh đạo Công ty là một tập thể đoàn kết, thống nhất trong việc hoạch định, tạo được niềm tin với cán bộ công nhân viên toàn Công ty với những quyết sách đúng hướng và kịp thời, nắm bắt được thời cơ của thị trường trong ngành, tránh được tối đa rủi ro gặp phải.
- Luôn giành được sự ủng hộ, giúp đỡ của UBND tỉnh, Thành uỷ, UBND TP Vinh, Ban, Ngành trong việc đổi mới sắp xếp doanh nghiệp, nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty, có mục tiêu và phương hướng đúng, sát, các tổ chức đoàn thể thực hiện có hiệu quả.
- Cung cấp các sản phẩm, dịch vụ công ích, phục vụ nhu cầu công cộng cho người dân là một lĩnh vực đầy triển vọng và tiềm năng phát triển
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty tương đối ổn định. Đồng thời, Công ty cũng nhận được sự quan tâm hỗ trợ chỉ đạo sát sao của các cấp lãnh đạo, các ban ngành chuyên môn về mọi mặt, ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên có sự nhất trí cao, tâm huyết vì mục tiêu phát triển chung của công ty nên công ty vẫn chủ động điều hành sản xuất với các biện pháp tổ chức tích cực. Do vậy, sản xuất ổn định từ đầu năm đến cuối năm không bị gián đoạn, trình độ của cán bộ quản lý, chuyên viên được nâng lên rõ rệt. Việc điều hành sản xuất cũng được rút kinh nghiệm từ những năm thực hiện giao dự toán do vậy sản xuất đến đâu khối lượng được nghiệm thu quyết toán tới đó nên

việc thanh toán cũng kịp thời, cơ bản giá trị quyết toán thực hiện được đầy đủ không còn nợ đọng. Công ty vừa thanh toán khối lượng mới phát sinh vừa kết hợp giải quyết những món nợ tồn đọng một cách tích cực. Hầu hết khối lượng nhận đặt hàng công ty đều thực hiện đầy đủ nhiều chỉ tiêu vượt kế hoạch và đảm bảo chất lượng.

Với hướng phát triển đa dạng trong ngành nghề, lĩnh vực, hoạt động cải thiện môi trường, chăm sóc các công trình công cộng góp phần gia tăng kết quả kinh doanh của Công ty. Việc Doanh nghiệp đổi mới sang hình thức Công ty cổ phần sẽ đóng góp nhiều lợi ích hơn cho đất nước, mang lại nhiều lợi ích hơn cho người lao động.

9.2. Khó khăn

- Mô hình TNHH Một thành viên hiện đang được duy trì mặc dù tạo điều kiện cho công tác quản lý của Nhà nước tốt hơn, song đang bộc lộ những điểm yếu trong việc tham gia vào cơ chế thị trường. Cách thức tổ chức hoạt động còn chưa linh hoạt, chưa thể tối đa hóa lợi nhuận tiềm năng của ngành mà công ty đang hoạt động.
- Sự cạnh tranh quyết liệt trên thương trường do số lượng các công ty hoạt động cùng lĩnh vực kinh doanh ngày càng gia tăng đã khiến cho tình sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn.
- Là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động trong môi trường độc hại, trong khi nguồn kinh phí để đầu tư cho công tác xử lý rác và vệ sinh môi trường đang còn hạn hẹp, ý thức bảo vệ môi trường của một số người dân chưa cao, chưa nhận thức được tầm quan trọng của việc giữ gìn vệ sinh môi trường: vứt rác bừa bãi...nên công tác xử lý vệ sinh môi trường đang gặp rất nhiều khó khăn
- Hệ thống máy móc thiết bị cần vốn để đầu tư, nâng cấp các trang thiết bị hiện đại, mở rộng và kinh doanh vật tư. Vì vậy việc tân trang và mua sắm các thiết bị mới để nâng cao chất lượng dịch vụ là nhu cầu bức thiết trong khi nguồn vốn để đầu tư khá hạn chế.
- Trong quá trình hội nhập kinh tế và phát triển kinh tế thị trường, Công ty cũng bị ảnh hưởng bởi các nhân tố, khó khăn chung từ tình hình chung của kinh tế thế giới, trong nước suy giảm, hạn chế đầu tư công, cơ chế quản lý không ổn định... đã có những tác động không nhỏ tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

10. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành

10.1. Vị thế Công ty trong ngành

Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước và là đơn vị phụ trách cung cấp các dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh Nghệ An nên Công ty luôn giữ mối quan hệ với các cơ quan ban ngành của các địa phương. Đây là điều thuận lợi cho Công ty khi tham gia các công trình công ích của Thành phố và gia tăng uy tín của Công ty.

Trong suốt những năm hoạt động và kinh doanh, Công ty đã phấn đấu không ngừng để tồn tại, ổn định và phát triển. Công ty đã có những cố gắng và nỗ lực vượt qua nhiều khó khăn, thử thách để từng bước khẳng định vị thế của mình trong các ngành cung cấp các dịch vụ công ích cũng như sự tín nhiệm của các khách hàng. Công ty đã nhận được nhiều phần thưởng của Nhà nước, Chính phủ, UBND Tỉnh. So với các doanh nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ môi trường và dịch vụ xử lý chất thải trong khu vực thì Công ty là một trong những Công ty có quy mô khá, có kinh nghiệm trong hoạt động, quản trị và đi đầu trong công tác triển khai cổ phần hóa.

Nhìn chung, do đặc thù của ngành là đầu tư kinh doanh, cho thuê đất để thực hiện các dịch vụ môi trường cùng ngành xử lý chất thải, Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An là doanh nghiệp duy nhất của tỉnh hoạt động tốt với nhiều năm kinh nghiệm. Có thể nói, trên địa bàn hoạt động tỉnh Nghệ An, Công ty không có đối thủ cạnh tranh trực tiếp.

ĐIỂM MẠNH <ul style="list-style-type: none">- Ban lãnh đạo tâm huyết tài năng, gắn bó cùng công ty;- Đội ngũ cán bộ công nhân viên năng lực, giàu kinh nghiệm;- Các đối tác và công ty liên kết hoạt động hiệu quả, chặt chẽ	ĐIỂM YẾU <ul style="list-style-type: none">- Ảnh hưởng của cơ chế tổ chức hoạt động theo hình thức TNHH MTV không linh hoạt với thị trường;- Hệ thống máy móc cơ sở vật chất đã sử dụng lâu năm- Chưa có công tác quảng bá, thị trường tốt để đẩy mạnh doanh số;
CƠ HỘI	NGUY CƠ

<ul style="list-style-type: none">- Chủ trương thoái vốn tại các doanh nghiệp nhà nước không nhất thiết nắm giữ 100% vốn;- Nền kinh tế đang phục hồi, thuận lợi cho việc thoái vốn và kêu gọi đầu tư;- Các quy định về đánh giá tác động môi trường, kiểm soát ô nhiễm, xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại, kế hoạch xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng ngày càng rõ và cụ thể hơn- Định hướng phát triển ngành của Chính phủ;	<ul style="list-style-type: none">- Cạnh tranh gắt gao trong thời gian tới giữa các đơn vị trong ngành trên địa bàn tỉnh và các tỉnh khác.- Khung giá dịch vụ giảm do điều tiết của Nhà nước, tiếp tục sẽ giảm trong tương lai.- Cơ chế chính sách khuyến khích còn chưa rõ ràng và chưa đủ hấp dẫn để thu hút đầu tư và phát triển ngành dịch vụ môi trường.- Thị trường cho công nghệ và dịch vụ môi trường chưa phát triển.- Các rủi ro khác của vĩ mô như lạm phát, tỷ giá, lãi suất...
---	---

10.2. Triển vọng phát triển của ngành

Cơ sở hạ tầng đóng vai trò rất quan trọng trong việc thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển. Tuy nhiên, việc cung cấp các sản phẩm dịch vụ công cộng đòi hỏi các Công ty phải có nguồn vốn mạnh và bền vững, do đó các Công ty trong ngành cần có chính sách thu hút vốn đầu tư từ các nguồn khác ngoài ngân sách Nhà nước để thực hiện. Với các chính sách của Chính phủ ngày càng thông thoáng tạo điều kiện hỗ trợ và khuyến khích các thành phần kinh tế khác cùng tham gia vào lĩnh vực này

Trong những năm tới, để đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng kinh tế, nhu cầu vệ sinh môi trường, đặc biệt là tại khu vực đô thị, dân cư đông đúc nên công tác quản lý và cung cấp các dịch vụ công ích tiếp tục là một ngành nhiều tiềm năng phát triển.

Đối với tầm nhìn đến năm 2025, sẽ phát triển ngành Công nghiệp môi trường thành một ngành kinh tế có đóng góp quan trọng trong cơ cấu phát triển ngành công nghiệp Việt Nam; phát triển các doanh nghiệp Công nghiệp môi trường, các tổ chức nghiên cứu,

chuyên giao và ứng dụng công nghệ cao về môi trường có khả năng giải quyết có hiệu quả nhiệm vụ bảo vệ môi trường, sử dụng bền vững tài nguyên.

Có thể thấy các hoạt động nhằm phát triển ngành Công nghiệp môi trường tại Việt Nam cần cân đối và hài hòa giữa ba lĩnh vực chính: Dịch vụ môi trường; phát triển công nghệ và sản xuất thiết bị; phát triển và phục hồi tài nguyên thiên nhiên.

Như vậy, sự phát triển ngành Công nghệ môi trường nói chung và ngành Môi trường đô thị nói riêng cần được thực hiện từng bước chắc chắn để ngành này trở thành một ngành kinh tế quan trọng với các sản phẩm đặc thù của ngành. Trong quá trình phát triển, cần đặc biệt đẩy mạnh công tác xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường, bao gồm từ nghiên cứu, chuyên giao công nghệ, chế tạo thiết bị đến cung cấp các dịch vụ bảo vệ môi trường, quản lý và sử dụng tài nguyên.

10.3. Đánh giá về định hướng phát triển của Công ty so với định hướng ngành

Trước tiềm năng phát triển của ngành, Công ty xây dựng mục tiêu, chiến lược cụ thể gồm tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, khai thác tích cực các nguồn lực, vật liệu nhằm nâng cao kết quả hoạt động. Thêm vào đó, Công ty cũng đưa ra mục tiêu cho mình là giữ vững các hợp đồng đang thực hiện trên địa bàn Tỉnh, đồng thời tìm kiếm các hợp đồng dịch vụ xử lý rác thải mới. Những chính sách quan tâm kịp thời và phù hợp của Nhà nước đối với ngành cùng với tiềm năng phát triển của xã hội sẽ góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của các Công ty hoạt động trong ngành nói chung và Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An nói riêng.

PHẦN III: PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Mục tiêu cổ phần hóa

- Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An chuyển từ Nhà nước nắm giữ 100% vốn chuyển sang loại hình doanh nghiệp có nhiều Chủ sở hữu; đảm bảo doanh nghiệp có cơ cấu hợp lý, tập trung vào lĩnh vực cung cấp dịch vụ môi trường; bảo toàn vốn Nhà nước;
- Nâng cao hiệu quả quản lý doanh nghiệp, tận dụng nguồn lực từ xã hội giúp doanh nghiệp nhanh nhạy hơn với hoạt động kinh doanh của ngành, phát triển sản xuất kinh doanh, bố trí đủ việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước;
- Huy động vốn của các Nhà đầu tư trong và ngoài nước dễ dàng hơn, sử dụng nguồn tài chính huy động được nâng cao năng lực tài chính, đổi mới công nghệ, kỹ thuật, đổi mới phương thức quản lý nhằm nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế;
- Không những bảo đảm hài hòa mà còn phát huy nâng cao lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động trong doanh nghiệp;
- Nâng cao vai trò làm chủ thật sự, gắn chặt trách nhiệm, công việc và quyền lợi cổ đông, tạo động lực thúc đẩy công tác điều hành, nâng cao năng lực tài chính, đổi mới công nghệ, đổi mới phương thức quản lý nhằm nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp;
- Thực hiện công khai minh bạch theo nguyên tắc thị trường; khắc phục tình trạng cổ phần hóa khép kín trong nội bộ doanh nghiệp; gắn với phát triển trị trường vốn, thị trường chứng khoán;
- Hướng tới việc niêm yết trên thị trường Chứng khoán, sử dụng nhiều kênh huy động vốn nhanh chóng và hiệu quả.

2. Hình thức cổ phần hóa

- Công ty TNHH Một thành viên Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An chuyển thành Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Nghệ An. Sau khi cổ phần hóa, Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An sẽ hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp 2014;

- Phương thức: “Bán một phần vốn Nhà nước hiện có tại doanh nghiệp”, trong đó Nhà nước nắm giữ cổ phần trên 51% vốn điều lệ.
- Về phần vốn Nhà nước, sau khi đánh giá lại sẽ được giảm trừ trực tiếp các khoản chi phí cổ phần hóa và phần giảm trừ do chênh lệch bán ưu đãi cổ phần cho người lao động. Phần vốn Nhà nước còn lại sau giảm trừ sẽ được làm tròn để làm cơ sở cổ phần hóa, tăng vốn điều lệ. Phần lẻ do làm tròn sẽ được hoàn trả lại Nhà nước.

Vốn điều lệ Công ty sau cổ phần hóa	:	38.585.100.000 đồng
Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước	:	38.585.099.467 đồng
Chi phí cổ phần hóa	:	400.000.000 đồng
Giảm trừ phần vốn Nhà nước do chênh lệch bán cổ phần ưu đãi giảm 40% cho người lao động	:	1.406.800.000 đồng
Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước sau khi trừ chi phí cổ phần hóa và phần ưu đãi ứng với 40% giá trị bán cho người lao động	:	36.778.299.467 đồng
Vốn Nhà nước làm tròn	:	36.778.300.000 đồng
Hoàn trả ngân sách sau khi làm tròn vốn Nhà nước	:	533 đồng
Tổng số cổ phần phát hành	:	3.858.510 cổ phần

3. Thông tin doanh nghiệp sau cổ phần hóa

3.1. Thông tin chung

Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ NGHỆ AN**

Tên giao dịch bằng tiếng anh : NGHE ANURBAN ENVIRONMENT AND WORKS JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt : NAU

Địa chỉ trụ sở chính : Số 360 - Đường Đặng Thai Mai – Thành phố Vinh – Nghệ An

Điện thoại : (038) 3564 960/ 3564962

Fax : (038) 3561 747

Vốn điều lệ dự kiến : 38.585.100.000 đồng (Ba mươi tám tỷ năm trăm tám mươi lăm triệu một trăm nghìn đồng)

3.2. Hình thức pháp lý

Công ty là Công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân theo Pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật, tổ chức và hoạt động theo Điều lệ của Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Nghệ An và các quy định của Pháp luật, được đăng ký kinh doanh theo quy định của Pháp luật.

3.3. Ngành nghề kinh doanh dự kiến sau cổ phần hóa

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác Chi tiết: Quét, thu gom rác đường, hè phố và các nơi công cộng; thu gom rác thải: sinh hoạt, xây dựng, công nghiệp cho các cơ quan đơn vị và đến tận các hộ gia đình, hút, thông tắc hầm cầu	8129
2	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bóc và vận chuyển rác về khu xử lý chất thải, tổ chức thu phí vệ sinh và thu gom rác trong khu dân cư	8299
3	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác Chi tiết: Ứng dụng, chế biến phân rác và tái chế chất thải	3900
4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng, lắp đặt, sửa chữa, nạo vét hệ thống các mương có thoát nước, vỉa hè và nhà vệ sinh	4290
5	Thu gom rác thải không độc hại	3811
6	Thu gom rác thải độc hại	3812
7	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821
8	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	3822
9	Tái chế phế liệu	3810
10	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
11	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ Chi tiết: Dịch vụ mai táng	9632
12	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490

	Chi tiết: Tư vấn xử lý môi trường	
13	Xây dựng nhà các loại	4100
Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật		

3.4. Cơ cấu tổ chức

a. Tổ chức cán bộ quản lý

Mô hình tổ chức của Công ty gồm có: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và bộ máy quản lý điều hành của doanh nghiệp.

- Hội đồng quản trị: Do Đại hội đồng cổ đông bầu, Hội đồng quản trị gồm 04 thành viên, Hội đồng quản trị bầu 01 Chủ tịch HĐQT.
- Giám đốc Công ty: Do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
- Ban kiểm soát: Do Đại hội đồng cổ đông bầu, Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, trong đó có 01 Trưởng ban kiểm soát.

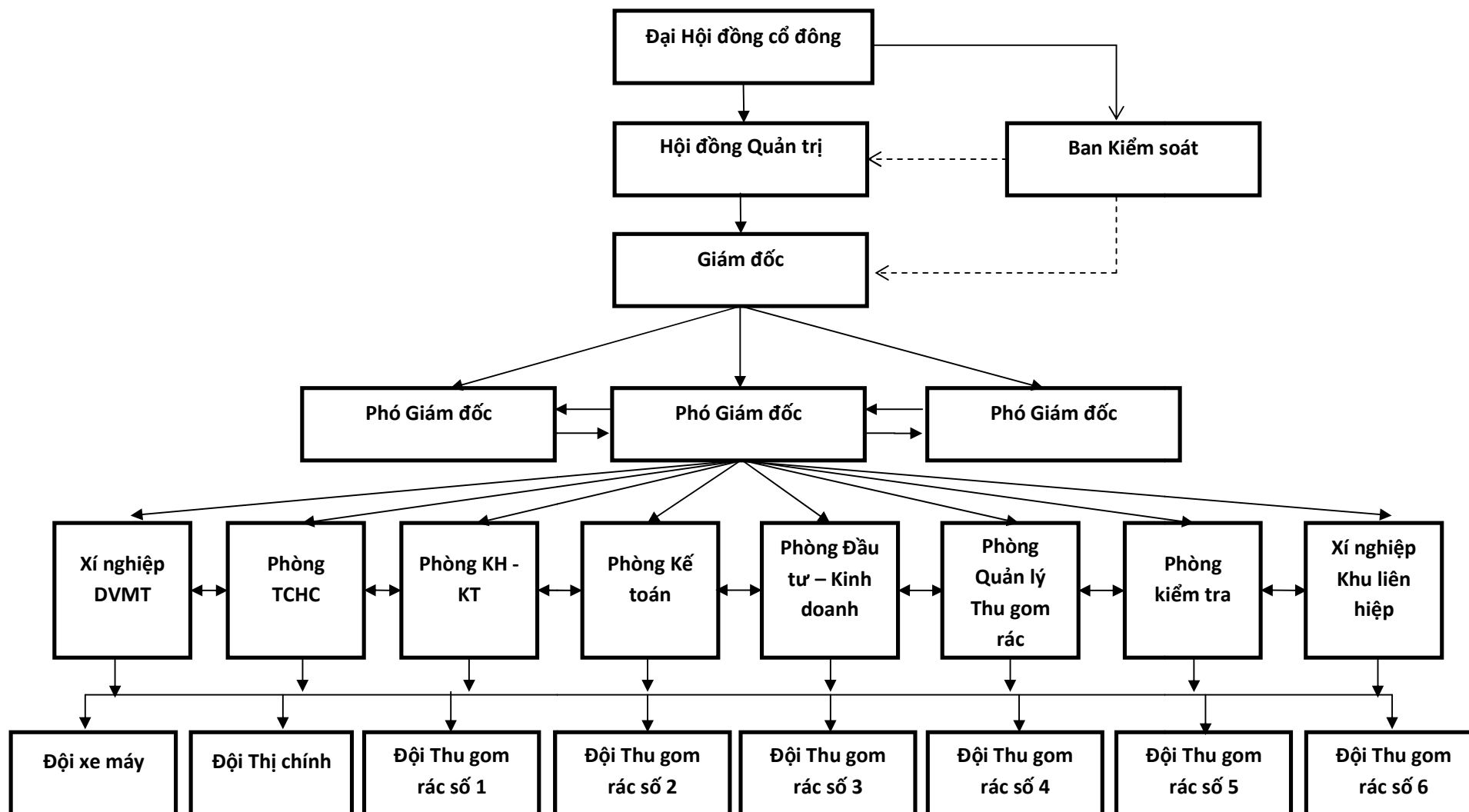
Bộ máy quản lý điều hành:

- Chủ tịch kiêm Giám đốc : 01 người
- Ban Kiểm soát : 03 người
- Phó giám đốc : 03 người
- Các phòng: Phòng Tổ chức – Hành chính, Kế toán, Kế hoạch kỹ thuật, Phòng Đầu tư – Kinh doanh, Quản lý đầu môi thu gom rác-thu phí vệ sinh, Kiểm tra.
- 02 Xí nghiệp: Xí nghiệp Dịch vụ môi trường, Xí nghiệp Khu liên hiệp xử lý CTR
- Các đơn vị trực thuộc (10 đơn vị)
- Đội xe máy
- Đội Thị chính
- Đội thu gom rác số 1
- Đội thu gom rác số 2
- Đội thu gom rác số 3

- Đội thu gom rác số 4
- Đội thu gom rác số 5
- Đội thu gom rác số 6
- Tổ Bảo vệ điện nước

b. Sơ đồ tổ chức

Hình 02: Sơ đồ tổ chức bộ máy Công ty



❖ **Chức năng nhiệm vụ các phòng ban:**

• **Đại hội đồng cổ đông:**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần. Đại hội đồng cổ đông có các quyền quyết định những vấn đề thuộc quyền hạn và nghĩa vụ được Luật pháp và Điều lệ công ty quy định.

• **Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

• **Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thay mặt cổ đông giám sát HĐQT, Giám đốc công ty trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

• **Chủ tịch HĐQT/Giám đốc công ty**

Chủ tịch HĐQT/Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Phụ trách chung, chịu trách nhiệm lãnh đạo và quản lý toàn bộ hoạt động của Công ty. Trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo về thực hiện kế hoạch sản xuất, kế hoạch SXKD năm đã đề ra trong cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên, đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ SXKD theo từng giai đoạn.

• **Các phó giám đốc**

Tham mưu cho Ban giám đốc công ty trong việc chuẩn bị các phương án về tổ chức bộ máy, công tác cán bộ, tiếp thu, chuyển, đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỹ thuật, quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng lương, nâng bậc, BHXH của người lao động, bảo hộ lao động và các chính sách liên quan đến tiền lương, tiền thưởng;

Phó Giám đốc có trách nhiệm tham mưu, giúp việc cho Giám đốc về các phần việc được phân công. Điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công, ủy quyền của Giám đốc Công ty.

- **Các phòng ban và đơn vị trực thuộc**

Thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được giao của từng phòng ban cũng như các đơn vị trực thuộc Công ty.

3.5. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ Công ty cổ phần

3.5.1. Vốn điều lệ

- Vốn điều lệ Công ty sau cổ phần hóa là **38.585.100.000 đồng** (Bằng chữ: Ba mươi tám tỷ năm trăm tám mươi năm triệu một trăm nghìn đồng).
- Cổ phần phát hành lần đầu là **3.858.510 cổ phần** với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

3.5.2. Cơ cấu vốn điều lệ

Bảng 11: Cơ cấu vốn cổ phần dự kiến

TT	Đối tượng	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Nhà nước	1.967.841	19.678.410.000	51,00
2	Bán cho người lao động	703.300	7.033.000.000	18,22
	Người lao động theo số năm làm việc khu vực nhà nước	351.700	3.517.000.000	9,11
	Người lao động cam kết làm việc lâu dài	351.600	3.516.000.000	9,11
3	Bán cho nhà đầu tư chiến lược	0	0	0
4	Bán đấu giá cho Cổ đông bên ngoài	1.187.369	11.873.690.000	30,78
	Tổng	3.858.510	38.585.100.000	100

(Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An)

4. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển của Công ty sau cổ phần hóa

4.1. Kế hoạch mục tiêu phát triển Công ty sau cổ phần hóa

Xây dựng Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Nghệ An bước đầu trở thành một công ty với trang thiết bị hiện đại, nâng cấp công nghệ, cải thiện kỹ thuật, nguồn nhân lực từng bước được đào tạo bài bản, chuyên sâu, đủ năng lực đáp ứng mọi

nhu cầu về dịch vụ công ích, xử lý nước thải, đồng thời phải xúc tiến và tiếp cận từng bước mở rộng, đa dạng hóa hoạt động kinh doanh với các đối tác tiềm năng..

Mục tiêu tổng quát : Sản xuất kinh doanh nhằm mục tối đa hóa lợi nhuận trên cơ sở hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao; đảm bảo việc làm ổn định với thu nhập ngày càng cao cho người lao động; thực hiện tốt nghĩa vụ với NSNN; đảm bảo quyền lợi của Công ty, của người lao động và các cổ đông.

Mục tiêu cụ thể là:

- Nâng cao năng lực sản xuất toàn ngành để tiếp tục duy trì mức tăng trưởng bình quân hàng năm đạt từ 20- 30% ;
- Tiếp tục hiện đại hóa, cải tiến công nghệ đi đôi với đào tạo đội ngũ cán bộ công nhân kỹ thuật, phấn đấu đạt mức tăng năng suất lao động hàng năm trên 10% ;
- Trên cơ sở nâng cao năng lực và hiệu quả sản xuất của toàn ngành, phấn đấu tăng thu nhập bình quân của người lao động hàng năm trên 5%.

Để đạt được kế hoạch trên, công ty sẽ tập trung tăng doanh thu thông qua tìm kiếm khách hàng đối tác mới. Hình thức quản lý theo công ty cổ phần là một lợi thế khi mọi thông tin về tài chính, kế toán và hoạt động kinh doanh của công ty sẽ được minh bạch hơn trước đây. Vì vậy, sẽ thuận lợi hơn trong việc tìm kiếm đối tác và bạn hàng khi chứng minh tốt hơn về năng lực tài chính, kế toán, nhân lực. Các kênh tìm kiếm khách hàng và đối tác có thể thông qua phương tiện truyền thông đại chúng, phương tiện truyền thông ngành, các hoạt động quảng bá, các đối tác tư vấn.

Công ty tiếp tục tuân thủ chặt chẽ chủ trương, đường hướng phát triển của Nhà nước trong việc nắm giữ, thoái vốn trong tương lai. Ba năm sau cổ phần hóa, công ty tiếp tục giữ nguyên phần vốn điều lệ nhằm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh trước khi cân nhắc tới việc huy động vốn thông qua thị trường chứng khoán để phát triển sản xuất kinh doanh. Song vẫn nhắm tới việc hoạt động sản xuất kinh doanh cần phải phát triển hơn trước và công ty làm ăn có lãi, lương trung bình người lao động được cải thiện, tăng nộp ngân sách.

4.2. Chiến lược phát triển

Quan tâm, phát huy lợi thế kinh nghiệm trong lĩnh vực môi trường đô thị, cung cấp các dịch vụ thu gom và xử lý rác thải; nâng cao tay nghề cho người lao động để tạo ra

năng xuất, chất lượng, hiệu quả cao nhất trong việc thực hiện các dịch vụ trên. Dần từng bước mở rộng hoạt động kinh doanh tại các địa phương, và vùng lân cận.

Phát triển các hoạt động SXKD, các dịch vụ ngoài nhiệm vụ chính; Phát triển các dịch vụ vệ sinh dân cư và công nghiệp; Mở rộng lĩnh vực xây lắp, đặc biệt lĩnh vực hạ tầng đô thị.

Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát trong SXKD để đạt được hiệu quả cao. Ban hành các quy định, quy chế nội bộ như: Quy chế quản trị Công ty; Quy chế quản lý tài chính; Quy chế phối hợp làm việc; Quy chế tuyển dụng; Quy chế phân phối thu nhập; Các định mức KT-KT, các định mức chi phí; Xây dựng các cơ chế khoán nội bộ.

- Liên doanh, liên kết với các đơn vị để phát triển SXKD. Có cơ chế khuyến khích các tập thể, cá nhân trong và ngoài đơn vị khai thác, tìm kiếm mở rộng thị trường, tạo thêm việc làm cho CBCNV.

4.3. Các giải pháp thực hiện

4.3.1. Giải pháp marketing

Trước hết, sau cổ phần hóa, Công ty tập trung vào xây dựng một hình ảnh mới, tạo sức hút hơn đối với khách hàng. Thông qua đó tạo điều kiện tiền đề để phát triển hơn các biện pháp quảng bá hình ảnh. Sử dụng hiệu quả các chiến lược marketing sẽ nâng cao hình ảnh, thương hiệu Công ty. Điều này không chỉ giúp các đối tác kinh doanh và khách hàng có nhu cầu trong lĩnh vực hoạt động của Công ty biết tới Công ty nhiều hơn, mà còn giúp Công ty có thêm nhiều khách hàng và đối tác mới thông qua các công cụ và phương tiện marketing, truyền thông.

Công ty đẩy mạnh việc marketing thông qua tất cả các kênh: internet, báo chí, phương tiện truyền thông đại chúng và phát tờ rơi. Đây là công cụ thiết yếu cần sử dụng trong marketing để thực hiện truyền thông tới khách hàng và đối tác. Trong bối cảnh hội nhập ngày càng gia tăng về chiều sâu và rộng hiện nay, để có thể cạnh tranh trong cơ chế thị trường, Công ty Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An sẽ chú trọng hơn tới các hoạt động quảng bá không chỉ trong ngành, mà còn hướng tới bên ngoài ngành và ra quốc tế với định hướng mở rộng thị trường trong tương lai.

Đối với các đối tác kinh doanh, Công ty gia tăng các chính sách ưu đãi về giá, thời gian và quyền lợi đối với các đối tác kinh doanh. Chuyển đổi sang mô hình Công ty cổ phần giúp Công ty linh hoạt và minh bạch hơn trong hạch toán kế toán. Vậy nên Công ty

sẽ có những điều chỉnh thích hợp trong chi phí xây dựng, giải phóng cũng như các ưu đãi về giá cao hơn, quyền lợi nhiều hơn để không chỉ giữ được các đối tác mà còn trong kênh huy động vốn tìm kiếm thêm nhiều hơn nữa các đối tác khác trong ngành và các lĩnh vực liên quan.

Công ty cũng lên kế hoạch niêm yết theo Quyết định 51/2014/QĐ-TTg và Nghị định 60/2015/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ thông qua việc niêm yết trên thị trường chứng khoán, Công ty sẽ có thêm 1 kênh hiệu quả để quảng bá hình ảnh tới các nhà đầu tư, các đối tác và bạn hàng trong và ngoài nước.

4.3.2. Giải pháp kinh doanh

Dựa trên những thuận lợi, khó khăn mà công ty đã, đang và luôn theo dõi sát sao, kế hoạch kinh doanh được xây dựng theo chiến lược đẩy mạnh phát triển trong những năm tới để tận dụng những thuận lợi theo chu kỳ của nền kinh tế.

Dự kiến các công việc thực hiện sau 3 năm 2016, 2017, 2018 như sau:

- Bồi thường giải phóng mặt bằng khoảng 22 ha đất năm 2016, từ năm 2017 mỗi năm tiếp tục tiến hành giải phóng và xây dựng cho 10-15ha/năm. Nguồn vốn sử dụng vào việc bồi thường giải phóng mặt bằng và xây dựng cơ sở hạ tầng được lấy từ nguồn vốn phát hành được (dự kiến là 150 tỷ). Bắt đầu từ giai đoạn 2018, công ty bắt đầu sử dụng vốn vay thương mại;
- Mức cổ tức của Công ty sau cổ phần hóa dự kiến tăng đều hằng năm, từ 1,4% năm 2016 lên 2,8% năm 2018 thông qua kế hoạch kinh doanh hiệu quả mang lại kết quả tích cực trong hoạt động SXKD;
- Dự kiến mua thêm các trang thiết bị thiết yếu như xe lu và xe kéo rác nhằm đảm bảo việc mở rộng sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng hoàn thiện hệ thống cấp nước cứu hỏa, thoát nước mưa, nước thải, hệ thống điện và điện chiếu sáng, hệ thống đường giao thông hoàn thiện hơn trong những năm tới;

Căn cứ điều kiện cụ thể, Hội đồng quản trị Công ty sẽ quyết định kế hoạch mở rộng, phát triển SXKD của Công ty đối với các lĩnh vực chưa khai thác, đối với các lĩnh vực Công ty đang thực hiện thì tiếp tục phát huy ưu thế, khai thác tối đa nguồn lực, nâng cao năng suất và chất lượng dịch vụ, nhằm tạo ra giá trị sản lượng cao nhất.

- **Về vốn chủ sở hữu:**

Thị trường chứng khoán được dự báo hiện đang bước vào chu kỳ phục hồi, và sẽ phát triển mạnh mẽ trở lại trong quãng thời gian 2015-2020. Đây sẽ là điều kiện thuận lợi để công ty thực hiện niêm yết, phát hành tăng vốn sau khi cổ phần hóa. Với một cơ cấu vốn phù hợp, việc kinh doanh sẽ dễ dàng hơn bởi chi phí giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng rất lớn trên tổng chi phí trong khi thời gian khấu hao và dòng tiền lại tương đối dài. Chính vì vậy công ty rất cần huy động thêm vốn để duy trì hoạt động kinh doanh chính của mình.

- **Về vốn vay thương mại**

Lãi suất cơ bản hiện tại đang có sự ổn định và liên tục giảm trong những năm vừa qua sau một thời gian tăng mạnh do khủng hoảng tài chính. Ban lãnh đạo công ty nhận định đây là thời điểm thích hợp để vay vốn ngân hàng do chi phí lãi vay thấp, đồng thời các chương trình kích thích kinh tế trong chính sách điều tiết vĩ mô của chính phủ đang tạo điều kiện thuận lợi cho người đi vay trong thời gian hiện tại. Tỷ trọng sử dụng nợ của công ty sẽ tương ứng với quy mô về vốn và sự điều chỉnh của ban lãnh đạo sao cho đạt được cơ cấu đòn bẩy tốt, tạo đà phát triển nhanh, song cũng không áp lực quá cao về chi phí lãi vay khiến hoạt động của công ty gặp nhiều rủi ro.

- **Doanh thu**

Doanh thu của công ty tới chủ yếu từ hoạt động cho công ích môi trường. Doanh thu năm 2014 đạt trung bình 53 tỷ, dự kiến năm 2015 sẽ đạt 65 tỷ. Giá cung cấp dịch vụ thu gom rác thải hiện nay giao động quanh mức 70.000 đồng/tấn, dự kiến năm 2017 giá cung cấp dịch vụ này sẽ giao động quanh mức 80.000 đồng/tấn. Trong năm 2016, Công ty sẽ tiếp tục tìm kiếm khách hàng để cung cấp dịch vụ công ích nhằm sử dụng tối đa công suất của các phương tiện vận tải và con người hiện có trong Công ty. Dự kiến năm 2017 và các năm tiếp theo, mỗi năm Công ty sẽ ký thêm được ít nhất 10 – 20 khách hàng mới với tổng doanh thu bổ sung từ 200.000.000 – 400.000.000/năm.

CHỈ TIÊU	2016	2017	2018
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	80.828.477.918	100.227.312.619	125.284.140.773

2. Doanh thu hoạt động tài chính	23.830.580	30.145.684	40.696.673
3. Thu nhập khác	1.283.587.730	1.591.648.785	1.989.560.981
TỔNG	82.135.896.228	101.849.107.088	127.314.398.427

(Nguồn: Quyết định 5215/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 tỉnh Nghệ An v/v phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An)

- Chi phí**

Trên cơ sở tăng doanh thu, công ty cũng tiến hành giảm chi phí dựa trên cơ sở các điều kiện thuận lợi của nền kinh tế. Chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất là chi phí giá vốn hàng bán. Chi phí giá vốn chịu ảnh hưởng mạnh từ giá xăng dầu, nguyên vật liệu, máy móc, điều kiện giao thông thuận lợi. Hiện nay tỷ giá đang có những diễn biến tích cực đối với ngành nghề của công ty. Giá USD tăng và sự ổn định của Việt Nam Đồng, sự mất giá mạnh mẽ của Nhân Dân Tệ khiến các chi phí trở nên rẻ hơn do sự xuống giá của hầu hết các mặt hàng như xăng dầu, thép, vật liệu xây dựng. Lãi suất giảm cũng gây sự cộng hưởng bởi chi phí vay đầu tư của các ngành nghề liên quan cũng giảm mạnh, khiến giá thành trở nên dễ hấp thụ hơn đối với thị trường.

Chi phí của công ty cũng sẽ có tỷ trọng rất lớn là chi phí quản lý doanh nghiệp. Nhận định được tình hình dự kiến, công ty có những điều chỉnh thích hợp về con người và giảm tỷ trọng các chi phí khác, nhằm đạt kết quả kinh doanh khả quan trong các năm sau cổ phần hóa.

- Kết quả kinh doanh dự kiến**

Bảng 13: Dự kiến kết quả hoạt động kinh doanh 03 năm sau cổ phần hóa

Đơn vị: Đồng

TT	Tiêu chí	2016	2017	2018
1	Vốn điều lệ	38.585.100.000	38.585.100.000	38.585.100.000
2	Tổng số lao động	502	542	582

3	Tổng quỹ lương	2.208.800.000	2.547.400.000	2.968.200.000
4	Thu nhập bình quân 1 người /tháng	4.400.000	4.700.000	5.100.000
5	Tổng doanh thu	80.828.477.918	100.227.312.619	125.284.140.773
6	Tổng chi phí	79.458.924.249	98.345.874.010	122.631.349.138
7	Lợi nhuận thực hiện	1.369.553.669	1.881.438.609	2.652.791.635
8	Lợi nhuận sau thuế	1.095.642.935	1.505.150.887	2.122.233.308
9	Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ (%)	2,82%	3,85%	5,37%
10	Trích lập các quỹ (30%)	328.692.881	451.545.266	636.669.992
11	LNST giữ lại để bổ sung vốn (20%)	219.128.587	301.030.177	424.446.662
12	Lợi nhuận sau thuế để chi cổ tức (50%)	547.821.468	752.575.444	1.061.116.654
13	Tỷ lệ cổ tức hằng năm	1,42%	1,95%	2,75%

(Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An)

4.3.3. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

Thông qua cổ phần hóa, công ty thực hiện sắp xếp lại lao động phù hợp và tối ưu cho hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần. Tiêu chuẩn hoá cán bộ, đặc biệt là các vị trí chủ chốt trong Công ty. Từng bước bố trí, sắp xếp lại lao động cho hợp lý, phù hợp với chuyên môn và yêu cầu SXKD. Nâng cao trình độ sử dụng công nghệ thông tin, tin học ứng dụng trong đội ngũ cán bộ quản lý, gián tiếp trong Công ty. Sắp xếp hợp lý sẽ giúp tiết kiệm chi phí quản lý doanh nghiệp, nâng cao năng suất lao động. Đối với người lao

động sẽ tiếp tục làm việc tại Công ty cổ phần, công ty tiếp tục đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ tay nghề, kỹ thuật. Người lao động được đào tạo bồi dưỡng nâng cao, chuyên sâu để phù hợp hơn với nhu cầu hoạt động và ngành nghề hoạt động tại công ty cổ phần trong tương lai.

Ba năm sau cổ phần hóa, công ty hướng tới ổn định đội ngũ nhân sự hiện tại được chọn lọc để phù hợp với yêu cầu tại công ty cổ phần. Tuy nhiên, đồng thời vẫn lên kế hoạch xây dựng đội ngũ kế cận trong tương lai, luôn sẵn sàng đảm đương nhiệm vụ kịp thời khi phát sinh nhu cầu nhân sự mới hoặc thay thế. Đội ngũ nhân sự được ban lãnh đạo hoạch định trong tuyển chọn, đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực dồi dào từ các trường đại học, cao đẳng trong ngành và ngoài ngành, các ngành lĩnh vực liên quan. Nâng cao trình độ, năng lực của CBCNV bằng hình thức thông qua tuyển dụng, đào tạo và đào tạo lại.

Chính sách đãi ngộ với người lao động sau khi cổ phần hóa cũng sẽ được cải thiện đáng kể. Thông qua quản lý hoạt động kinh doanh hiệu quả hơn với mô hình công ty cổ phần, người lao động làm việc tại công ty sẽ được những lợi ích cao hơn khi thu nhập và chế độ đãi ngộ, khen thưởng, phúc lợi của công ty không chỉ tuân thủ luật pháp, mà còn liên tục được cải thiện mỗi khi công ty làm ăn có lãi.

Công ty cũng sẽ đẩy mạnh phong trào thi đua lao động sản xuất, luôn khuyến khích tinh thần lao động của cán bộ công nhân viên, có phần thưởng cho cán bộ lao động tốt, tuân thủ quy định công ty, có sáng kiến sáng tạo góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty. Qua đó nâng cao năng suất lao động, cạnh tranh tốt hơn trong lĩnh vực mà công ty hoạt động.

4.3.4. Giải pháp về vốn

Trong sản xuất kinh doanh vốn là một trong yếu tố quyết định hiệu quả kinh doanh. Chính vì vậy phương án về vốn luôn là nhiệm vụ thường xuyên. Về giải pháp huy động vốn:

- Đưa ra các biện pháp thu hút, kêu gọi vốn đầu tư của các tổ chức xã hội;
- Tăng cường quan hệ để vay vốn ngân hàng và các tổ chức tín dụng;
- Huy động vốn từ các đối tác.

Bên cạnh đó, xác định công tác quản lý vốn là một trong những công tác rất quan trọng, xong việc quản lý vốn phải gắn liền với sử dụng vốn có hiệu quả trên cơ sở:

- Quản lý vốn chặt chẽ;

- Hạch toán chính xác tính đầy đủ khấu hao tài sản;
- Khai thác tối đa công suất trang thiết bị nhằm giảm chi phí, hạ giá thành;
- Khai thác hiệu quả lợi thế thương mại và nâng cao hiệu quả sử dụng mạng lưới;
- Tận thu các nguồn lực tài chính;
- Tiết giảm chi phí, thực hành tiết kiệm chống lãng phí;
- Thực hiện đúng các chế độ quy định về tài chính;
- Đối với vốn lưu động: Quản lý chặt chẽ hàng hóa tồn kho, tiền mặt, các khoản phải thu và vốn đầu tư cho xây dựng cơ bản. Có qui chế và trang thiết bị hiện đại phục vụ cho công tác quản lý tài chính.

5. Kế hoạch đăng ký Công ty đại chúng, đăng ký lưu ký, giao dịch và niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 14 Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/09/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước, Công ty có nghĩa vụ:

“a) Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp cổ phần hóa phải hoàn tất thủ tục đăng ký Công ty đại chúng, đăng ký cổ phiếu để lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

b) Trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán, sau khi thực hiện các thủ tục để đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường chứng khoán theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này, trong thời hạn tối đa một (01) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp cổ phần hóa phải bổ sung hồ sơ để hoàn tất thủ tục niêm yết tại các sở giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán”

Theo Điều 56 Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015, Công ty cần phải được đăng ký để lưu ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và

đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom, niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán theo nguyên tắc sau:

a) Trong thời hạn tối đa 90 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng để cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo quy định pháp luật về cổ phần hóa và trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán chứng khoán ra công chúng của các doanh nghiệp khác theo quy định pháp luật về chứng khoán, tổ chức phát hành phải hoàn tất các thủ tục để đăng ký lại doanh nghiệp (nếu có), đăng ký lưu ký cổ phần, cổ phiếu tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom;

b) Trường hợp doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán cổ phiếu ra công chúng mà đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết, doanh nghiệp phải nộp hồ sơ niêm yết ngay sau khi kết thúc đợt chào bán và báo cáo kết quả chào bán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

- Sau khi thực hiện xong quá trình cổ phần hóa, trong trường hợp Công ty đáp ứng đầy đủ các quy định của pháp luật chứng khoán về Công ty đại chúng, Công ty cam kết sẽ thực hiện đúng các quy định nêu trên.

PHẦN IV: CÁC RỦI RO DỰ KIẾN

1. Rủi ro kinh tế

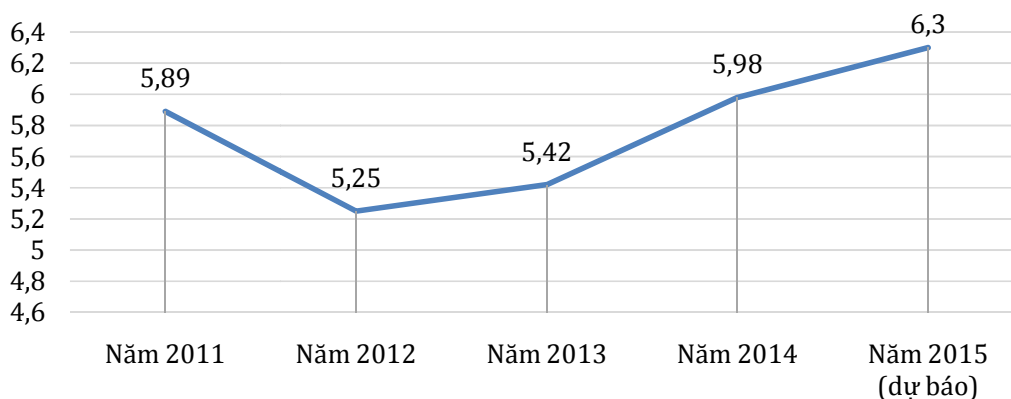
Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro nhất định. Những rủi ro đó hình thành từ chính sự biến động của các nhân tố cơ bản trong nền kinh tế: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái. Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An là một chủ thể tham gia vào nền kinh tế nên cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng và tác động từ sự thay đổi của những nhân tố đó.

1.1. Rủi ro về tăng trưởng

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình. Trong năm 2015 kinh tế vĩ mô Việt Nam tiếp tục được cải thiện và đã có những chuyển biến tích cực. Lạm phát năm 2015 dừng ở mức 1.48% và được đánh giá là thấp nhất trong vòng 13 năm vượt xa mọi dự báo trước đó.

Về tăng trưởng kinh tế trong nước, GDP năm 2015 ước tính tăng 5,98% so với năm 2014, đây là mức tăng cao nhất so với 2 năm trước. Điều này cho thấy đà phục hồi của nền kinh tế năm 2015 đã có dấu hiệu tích cực. Chỉ số quản trị mua hàng (PMI) trong năm 2015 liên tục cao vượt ngưỡng 50 điểm. Như vậy, trong năm 2015 các nhà quản trị mua hàng đều nhận thấy, điều kiện kinh doanh đang được cải thiện rõ nét.

Hình 3: Tốc độ tăng trưởng GDP qua các năm



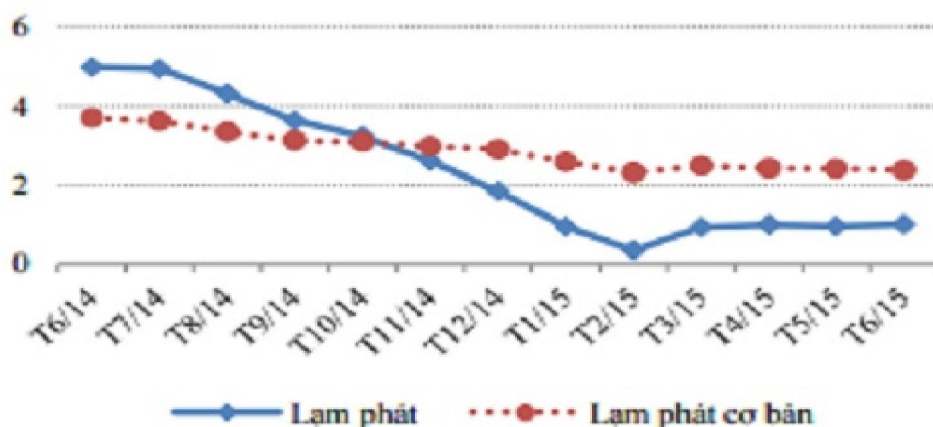
(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Việc áp dụng các chính sách vĩ mô một cách hiệu quả của Chính phủ sẽ là một trong những nhân tố giúp giảm rủi ro về kinh tế đối với các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích nói riêng.

1.2. Rủi ro về lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế. Theo những số liệu được công bố, trong những năm gần đây Việt Nam đang đứng trước sức ép gia tăng lạm phát. Lạm phát thường xảy ra do hai nguyên nhân chính là chi phí đẩy hoặc cầu kéo. Tổng cầu gia tăng do sự gia tăng của tiêu dùng hộ gia đình, chi tiêu Chính phủ, đầu tư và thay đổi rơng từ hoạt động xuất nhập khẩu.

Hình 4: Tỷ lệ lạm phát và lạm cơ bản 6/2014 – 6/2015



(Nguồn: Ủy ban giám sát tài chính quốc gia)

Lạm phát cơ bản tháng 7/2015 so với tháng 6 năm 2015 tăng 0,13% có mức tăng khá tương đồng với lạm phát chung do tỷ lệ đóng góp CPI chung của các nhóm hàng loại trừ khi tính lạm phát cơ bản với các mặt hàng còn lại là tương đương.

Lạm phát cơ bản tháng 7/2015 so với cùng kỳ tăng 2,04%, bình quân 7 tháng so cùng kỳ năm trước tăng 2,22% cao hơn mức 0,9% và 0,86% của lạm phát chung do mặt bằng giá các mặt hàng tính lạm phát chung thấp hơn so với cùng kỳ năm trước

Các nhân tố này nhìn chung có lợi cho công ty vì lạm phát được duy trì ở mức thấp khiến giá cả nguyên vật liệu ổn định, hạn chế sai lệch trong dự báo và kế hoạch hoạt động

của công ty. Ngoài ra còn hỗ trợ cho khả năng mở rộng kinh doanh trong thời gian tới được thuận lợi dễ dàng.

1.3. Rủi ro về lãi suất

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có thể sử dụng đến kênh huy động vốn từ tín dụng và chịu lãi suất sử dụng vốn vay, khi đó, chỉ cần một sự biến động nhỏ về lãi suất trong chiến lược điều hành chính sách tiền tệ của Nhà nước cũng có thể ảnh hưởng đến chi phí tài chính và lợi nhuận của Công ty.

Trong nửa đầu năm 2015, lãi suất huy động và cho vay khá ổn định và có xu hướng giảm nhẹ. Sau 2 lần điều chỉnh giảm trong năm 2013, vào cuối quý 1 năm 2014 và quý 2 năm 2014, Ngân hàng Nhà nước đã tiếp tục giảm các mức lãi suất chủ chốt. Với định hướng duy trì mặt bằng lãi suất thấp để hỗ trợ sự phục hồi và tăng trưởng của nền kinh tế, quyết định điều chỉnh giảm lãi suất như kể trên của Ngân hàng Nhà nước là khá hợp lý trong bối cảnh (1) lạm phát được kiểm soát ở mức thấp và (2) thanh khoản hệ thống đang khá tốt trong khi tăng trưởng tín dụng chưa được đầy mạnh.

1.4. Rủi ro về tỷ giá

Là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá hối đoái biến động theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đầu tư xây dựng các dự án công nghiệp, do đó những biến động về tỷ giá cũng gây ảnh hưởng nhất định tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Là doanh nghiệp Nhà nước chuyển đổi sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống các Luật, Nghị định... liên quan đến chương trình cổ phần hóa và Luật doanh nghiệp 2014, Thuế doanh nghiệp do Nhà nước ban hành. Rủi ro pháp luật xảy ra không chỉ gây ảnh hưởng lớn tới công ty, mà còn tới toàn bộ các đơn vị khác đang hoạt động trong cùng ngành nghề. Đây là rủi ro hệ thống, không thể tránh, nhưng ban lãnh đạo luôn sát sao để phòng ngừa và giảm rủi ro hết sức có thể.

3. Rủi ro đặc thù

Cùng song hành với định hướng phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước là sự phát triển bùng nổ về dân số, đô thị hóa và các vấn đề liên quan tới đời sống dân sinh. Ảnh hưởng của việc phát triển quá nhanh trong những năm gần đây lên các vấn đề môi trường là không hề nhỏ. Chính vì vậy, Nhà nước cũng có những chủ trương để phát triển ngành công nghiệp môi trường hiện nay. Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15/11/2004 về nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước là một trong những văn bản đầu tiên của Chính phủ về vấn đề bảo vệ môi trường.

Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2010 và định hướng đến 2020. Luật Bảo vệ môi trường 2005 nêu rõ: “Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân thành lập doanh nghiệp dịch vụ giữ gìn vệ sinh môi trường để thực hiện các hoạt động dịch vụ giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường thông qua hình thức đấu” (điều 116) có thể thấy sự phát triển của ngành trong tương lai là rất tiềm năng tuy nhiên cũng chứa đựng một số rủi ro nhất định. Đó là công nghệ còn lạc hậu. Công ty nhận định, để cạnh tranh được với nền kinh tế thị trường tự do sau khi cổ phần hóa đòi hỏi phải có những cải tiến về công nghệ kỹ thuật. Đầu tư mới công nghệ gây nhiều áp lực tới tình hình tài chính của công ty bởi chi phí đầu tư mới cao, hơn nữa trang thiết bị cơ sở vật chất phục vụ ngành nghề kinh doanh của công ty có giá khá cao. Tuy vậy, nếu không sớm đầu tư thích hợp, công ty sẽ phải chi trả chi phí hoạt động kinh doanh tương đối lớn trong thời gian dài bởi phải sử dụng nhiều lao động cho những công việc hiện đã có máy móc thay thế

Về đặc thù của ngành môi trường, cùng song hành với định hướng phát triển ngành xây dựng cơ bản, ảnh hưởng của việc phát triển quá nhanh trong những năm gần đây lên các vấn đề môi trường là không hề nhỏ. Hiện nay khối lượng sản xuất kinh doanh tại các khu công nghiệp ngày càng nhiều, dẫn tới khối lượng rác thải tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An đang cần được xử lý ngày càng tăng, do đó công suất thực tế xử lý chất thải của Công ty lớn hơn rất nhiều so với Công suất thiết kế của máy móc, thiết bị. Đây là khó khăn của ngành xử lý chất thải rắn công nghiệp nói chung cũng như của Công ty nói riêng.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Mới đây, thông tin chính thức nói room cho nhà đầu tư nước ngoài chính thức được công bố. Chỉ trong 2 phiên cuối tháng 6, VN-Index đã tăng hơn 2% với thanh khoản đạt

mức cao. Có thể thấy, việc nói room sẽ là bàn đạp cho TTCK Việt sớm được gia nhập nhóm thị trường mới nổi, qua đó ngày càng thu hút vốn ngoại hơn.

Thông tư 36/2014/TT-NHNN quy định giới hạn cho vay và tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của các tổ chức tín dụng đã tác động lớn tới thị trường chứng khoán. Thông tư 36 có hiệu lực từ đầu tháng 2/2015 được xem là có tác động tiêu cực lên hoạt động cho vay đầu tư cổ phiếu của các CTCK cũng như sụt giảm thanh khoản của thị trường. Tuy nhiên, các chuyên gia đều nhận định tác động của Thông tư 36 là làm lành mạnh hóa hoạt động của ngân hàng, làm cho dòng vốn vào chứng khoán trong trung dài hạn có chất lượng.

Ngoài ra, việc Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An chào bán cổ phiếu trong giai đoạn thị trường chưa có nhiều diễn biến thuận lợi, nền kinh tế vẫn chưa hoàn toàn hồi phục, các chỉ số chứng khoán như VN-Index, HNX-Index đang ở mức thấp và nhiều biến động theo diễn biến của thị trường thế giới cũng như tâm lý nhà đầu tư... sẽ có những ảnh hưởng đáng kể tới đợt chào bán ra công chúng của công ty..

5. Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro nêu trên, các rủi ro khác như thiên tai, địch họa, v.v... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

PHẦN V: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHẦN

1. Phương thức bán đấu giá

1.1. Hình thức chào bán

- Vốn điều lệ Công ty sau cổ phần hóa : 38.585.100.000 đồng
- Số lượng cổ phần chào bán : 1.187.369 cổ phần
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
- Giá khởi điểm : 10.000 đồng/cổ phần
- Số mức giá đặt mua : 01 mức giá
- Thời gian nhận hồ sơ tham gia đấu giá, nhận tiền nộp đặt cọc : Theo Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An
- Thời gian tiến hành đấu giá : Theo Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An
- Địa điểm tổ chức đấu giá : Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Thời gian nộp tiền và nhận tiền : Theo Quy chế bán đấu giá của Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An

1.2. Đối tượng tham gia và số lượng cổ phần đăng ký mua

- Đối tượng tham gia : Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đáp ứng điều kiện theo quy định của Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An
- Số lượng cổ phần tối thiểu mà nhà đầu tư được phép mua : 100 cổ phần
- Số lượng cổ phần tối đa nhà đầu tư được phép mua : 1.187.369 cổ phần
- Đặt cọc : Bằng 10% giá trị cổ phần đặt mua tính theo giá khởi điểm

1.3. Thời gian và địa điểm thực hiện

- Thời gian và địa điểm nhận công bố thông tin, đăng ký tham gia đấu giá, nộp tiền đặt cọc, nộp phiếu tham dự đấu giá: Quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An.
- Thời gian tổ chức đấu giá: Theo quy định trong Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An.
- Địa điểm tổ chức đấu giá: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội – Số 02, tòa Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần và nhận lại tiền đặt cọc: Theo quy định trong Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An.

2. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần đối với người lao động

2.1. Bán cổ phần ưu đãi cho người lao động

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm công bố : 507 người
giá trị doanh nghiệp:

Tổng số lao động được mua cổ phiếu ưu đãi theo năm công tác trong khu vực nhà nước	:	453 người
Tổng số năm công tác trong khu vực nhà nước	:	4.619 năm
Tổng số Cổ phần tối đa được mua ưu đãi	:	461.900 cổ phần
Tổng số Cổ phần đăng ký mua ưu đãi thực tế	:	351.700 cổ phần
Loại cổ phần	:	Cổ phần phổ thông không hạn chế chuyển nhượng
Giá bán cổ phần ưu đãi	:	60% giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.
Thời gian dự kiến	:	Sau khi xác định giá đấu thành công thấp nhất

2.2. Người lao động đăng ký mua cổ phần theo cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần

Tổng số người lao động cam kết làm việc lâu dài	:	465 người
Tổng số cổ phần đăng ký mua theo cam kết làm việc lâu dài:	:	351.600 cổ phần
Trong đó:		
Theo cam kết ở mức 5000 cổ phiếu	:	44.600 cổ phần
Theo cam kết ở mức 2000 cổ phiếu	:	307.000 cổ phần
Số cổ phần cam kết thực tế Công ty dự kiến bán	:	351.600 cổ phần
Loại cổ phần	:	Cổ phần hạn chế chuyển nhượng trong thời gian cam kết.

Giá bán cổ phần cam kết	:	Giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.
Thời gian dự kiến	:	Sau khi xác định giá đấu thành công thấp nhất

3. Chi phí cổ phần hóa

Bảng 14: Chi phí cổ phần hóa

Đơn vị: Đồng

TT	Nội dung chi phí
I	Chi phí trực tiếp tại công ty
1	Chi phí cho tập huấn nghiệp vụ về cổ phần hóa doanh nghiệp
2	Chi phí kiểm kê, xác định giá trị tài sản
3	Chi phí Hội nghị người lao động để triển khai cổ phần hóa
4	Chi phí hoạt động tuyên truyền, công bố thông tin về doanh nghiệp
5	Chi phí đại hội cổ đông lần đầu
6	Chi phí khác
II	Chi phí thuê các tổ chức tư vấn
1	Chi phí tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp
2	Chi phí tư vấn lập phương án cổ phần hóa, bán đấu giá cổ phần và đại hội cổ đông lần đầu.
III	Chi phí cho Ban chỉ đạo CPH và tổ giúp việc
1	Thù lao Ban chỉ đạo cổ phần hóa
2	Thù lao Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa
	Tổng dự toán chi phí cổ phần hóa 400.000.000

(Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Nghệ An)

4. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ bán cổ phần

Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa được thực hiện theo quy định tại mục III Thông tư số 196/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính.

Trên cơ sở thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của Nhà nước tại Công ty cổ phần, Công ty dự kiến kế hoạch hoàn vốn Nhà nước tạm tính theo phương án giả sử tất cả số lượng cổ phần đều được bán với giá 10.000 đồng/cổ phần

Bảng 12: Số tiền dự kiến nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp

Đơn vị: Đồng

TT	Khoản mục	Giá trị (đồng)
1	Vốn nhà nước sau khi đánh giá lại	38.585.099.467
2	Vốn điều lệ Công ty cổ phần	38.585.100.000
3	Tổng số tiền thu từ bán cổ phần	17.499.890.000
	- Từ bán cổ phần ưu đãi 60% cho CBCNV	2.110.200.000
	- Từ bán cổ phần cam kết làm việc cho CBCNV	3.516.000.000
	- Từ bán đấu giá công khai	11.873.690.000
4	Chi phí cổ phần hoá đơn vị thực hiện	400.000.000
5	Chi phí chế độ dôi dư cho người lao động	3.864.580.100
6	Phí đấu giá nộp cho Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội	20.000.000
7	Tổng số tiền hoàn vốn ngân sách = (3) – (4 + 5)	13.215.309.900

(Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An)

PHẦN VI: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa

Ban chỉ đạo cổ phần hóa của Công ty TNHH Một thành viên Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An được thành lập theo Quyết định số 3080/QĐ-UBND ngày 03 tháng 07 năm 2015 của UBND Tỉnh Nghệ An gồm các thành viên sau:

1.	Ông Nguyễn Ngọc Đức	Phó Giám đốc Sở tài chính	Trưởng ban
2.	Ông Nguyễn Đăng Dương	Phó Giám đốc Sở LĐT&XH	Thành Viên
3.	Ông Lê Quốc Hồng	Phó Chủ tịch UBND TP.Vinh	Thành viên
4.	Ông Phan Thế Ngọc	Trưởng phòng TCDN, Sở tài chính	Thành viên
5.	Ông Hồ Việt Dũng	Trưởng phòng KH&DV, Sở KH&ĐT	Thành viên
6.	Ông Đào Quang Thiện	Phó phòng KTKH, VP UBND tỉnh	Thành viên
7.	Ông Hoàng Văn Khanh	Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Nghệ An	Thành viên

Bản công bố thông tin này đã được Ban chỉ đạo cổ phần hóa thông qua và phù hợp với tình hình thực tế mà chúng tôi được biết để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty TNHH Một thành viên Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An trước khi đăng ký tham dự đấu giá mua cổ phần.

2. Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An

Ông Hoàng Văn Khanh – Chủ tịch kiêm Giám đốc

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là khách quan, trung thực, phù hợp với thực tế để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty TNHH Một thành viên Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An trước khi đăng ký tham dự đấu giá mua cổ phần

3. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG



Ông Nguyễn Đỗ Lăng – Tổng giám đốc

Trụ sở chính: Tầng 2 và 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, P.Thụy Khuê, Q.Tây Hồ, TP.Hà Nội.

Điện thoại: 04 3577 1960

Fax: (04) 3577 1966

Website: <http://apec.com.vn/>

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán đầu giá cổ phần lần đầu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An.

Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An cung cấp.

THAY LỜI KẾT

Việc đánh giá, lựa chọn thông tin và ngôn từ trong bản công bố thông tin này được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên các thông tin, số liệu do Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An cung cấp, thông qua. Chúng tôi cung cấp thông tin với mục đích giúp các nhà đầu tư nhìn nhận doanh nghiệp dự định đầu tư một cách khách quan, sáng suốt trước khi tham dự đấu giá mua cổ phần của Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An.

Ban chỉ đạo cổ phần hoá, Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An đã tiến hành soát xét và phê duyệt bản công bố thông tin bán đầu giá cổ phần của công ty. Ban chỉ đạo cổ phần hoá, Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An xin cam kết bản công bố thông tin trên đây được lập trên cơ sở các dữ liệu, thông tin theo đúng quy định, đảm bảo tính trung thực, đầy đủ, chính xác, công khai. Trong trường hợp có sự kiện bất thường phát sinh gây ảnh hưởng tới giá trị doanh nghiệp, làm thay đổi thông tin trong bản công bố, chúng tôi cam kết sẽ kịp thời thông báo cho các bên liên quan đảm bảo lợi ích hợp pháp của các đối tượng sử dụng thông tin.

Chúng tôi kính mong các nhà đầu tư tham khảo kỹ Bản công bố thông tin này trước

khi quyết định mua cổ phần của Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nghệ An, ngày tháng năm 2015

**ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO
CỔ PHẦN HOÁ
TRƯỞNG BAN**



NGUYỄN NGỌC ĐỨC

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP
CỔ PHẦN HOÁ
CHỦ ĐỊCH KIỂM GIÁM ĐỐC**



HOÀNG VĂN KHANH

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG**



NGUYỄN ĐỖ LĂNG